

Số: /BC-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản)

Kính gửi: Chính phủ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Báo cáo số 169/BCTĐ-BTP ngày 10/10/2022 của Bộ Tư pháp về việc thẩm định đối với dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản) (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định). Tại báo cáo, Bộ Tư pháp thống nhất về sự cần thiết ban hành, sự phù hợp của dự thảo Nghị định với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; khẳng định đúng với nhiệm vụ được giao; tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo; cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và nhất trí trình Chính phủ xem xét, thông qua dự thảo Nghị định sau khi phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định. Bên cạnh đó, có một số ý kiến đối với dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Về sự cần thiết ban hành Nghị định

Bộ Tư pháp đề nghị phân tích, làm rõ hơn trong Tờ trình Chính phủ việc xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định nhằm: (i) góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, phát triển kinh tế biển theo yêu cầu của Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (ii) triển khai thi hành chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản theo yêu cầu của Luật Thủy sản năm 2017; và (iii) kế thừa, phát triển các kết quả tích cực của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và đồng thời khắc phục các hạn chế, bất cập của Nghị định này.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã phân tích, làm rõ tại mục I.1 của dự thảo Tờ trình.

2. Về phạm vi điều chỉnh

Bộ Tư pháp đề nghị rà soát, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định theo hướng liệt kê đúng và đầy đủ các chính sách quy định tại dự thảo Nghị định, đảm bảo thống nhất với các chính sách đã đề xuất và được Lãnh đạo Chính phủ thông qua tại Văn bản số 9361/VPCP-NN; trường hợp dự thảo Nghị định quy định thêm chính sách mới thì cần đánh giá tác động đầy đủ và làm rõ vấn đề này trong Tờ trình Chính phủ.

Lý do: Tại Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCTS ngày 18/6/2021 và Văn bản số 8335/BNN-TCTS ngày 09/12/2021 về đề nghị xây dựng Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất phạm vi điều chỉnh với 05 chính sách, gồm: chính sách 1 - sửa đổi chính sách đầu tư; chính sách 2 - sửa đổi chính sách chuyển đổi chủ tàu; chính sách 3 - chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư; chính sách 4 - sửa đổi chính sách bảo hiểm; và chính sách 5 - sửa đổi, bổ sung một số chính sách khác (đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng..., chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép và kinh phí thực hiện đồng quản lý trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản). So với phạm vi điều chỉnh, đề xuất tại Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCTS và Văn bản số 8335/BNN-TCTS, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định chưa phù hợp và đầy đủ so với các chính sách được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Văn bản số 9361/VPCP-NN. Ví dụ, nội dung Điều 13 dự thảo Nghị định về “Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ gia dân có hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản trong phạm vi khu bảo tồn biển” nằm ngoài phạm vi 05 chính sách đã được thông qua. Trong khi đó, “cơ chế xử lý khoản vay” quy định tại Điều 1 và được cụ thể hóa tại Điều 6 dự thảo Nghị định chỉ là “cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ” không phải là chính sách mới; không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định mà là vấn đề xử lý chuyển tiếp khi bãi bỏ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã rà soát, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với các chính sách đã đề xuất cụ thể tại Điều 1 như sau:

“Nghị định này quy định chính sách để phát triển thủy sản, gồm:

1. Chính sách đầu tư

2. Chính sách hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần sau đầu tư.

b) Hỗ trợ chi phí bảo hiểm.

c) Hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép.

d) Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực.

đ) Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

e) Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản vùng biển ven bờ.”

3. Về đối tượng áp dụng

Bộ Tư pháp đề nghị rà soát, chỉnh lý lại đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định cho phù hợp, nhất là xác định, làm rõ đối tượng thụ hưởng.

Lý do: Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng gồm: “*Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực: nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản*”; trong khi đó khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định chỉ quy định chung nhóm đối tượng là “các tổ chức, cá nhân có liên quan khác trong việc thực hiện các chính sách”. Quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định có thể chưa bao quát hết các đối tượng áp dụng là đối tượng thụ hưởng theo dự thảo Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã rà soát, chỉnh lý, xác định, làm rõ đối tượng thụ hưởng tại Điều 2 dự thảo Nghị định như sau: “Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các chính sách được quy định tại Nghị định này”.

II. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC, TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Điều 8 dự thảo Nghị định quy định hỗ trợ một lần sau đầu tư

Bộ Tư pháp đề nghị phân tích và làm rõ tại Tờ trình Chính phủ việc thực hiện chuyển đổi vật liệu nuôi trồng thủy sản trên biển truyền thống sang sử dụng nhựa HDPE (High Density Polyethylene) và composite làm lồng bè nuôi là phù hợp, hiện đại, đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong phát triển kinh tế biển và thân thiện với môi trường để đảm bảo sự phù hợp của dự thảo Nghị định với Nghị quyết số 36-NQ/TW.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã phân tích và làm rõ tại Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động của chính sách như sau: (i) Hiện nay, HDPE và Composite là những vật liệu hiện đại nhất tính đến thời điểm hiện tại, có độ bền cao hơn rất nhiều đối với vật liệu truyền thống. Các vật liệu này nếu có chính sách để thay thế sắt làm lồng tôm hùm, gỗ làm lồng cá biển, phao xốp làm vật liệu nổi cho lồng bè có thể tạo ra cuộc cách mạng xanh trong nuôi biển và trong hoạt động thủy sản. (ii) Mặt khác, các quốc gia có ngành nuôi trồng thủy sản trên biển phát triển như Na Uy, Peru, Hy Lạp... đã, đang và sẽ tiếp tục sử dụng trong thời gian tới. (iii) Việc sử dụng các vật liệu này phù hợp với chủ trương của Đảng và nhà nước về hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong phát triển kinh tế biển và thân thiện với môi trường. (iv) hỗ trợ một lần sau đầu tư khuyến khích phát triển nuôi biển ngoài 03 hải lý. Để phát triển nuôi biển xa, chỉ áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao thì mới thành công. Hiện đã bắt đầu có một số nhà đầu tư có chủ trương đầu tư vào lĩnh vực này như Công ty Australis, Trán Phú, Marvin...

2. Điều 5 dự thảo Nghị định về chính sách đầu tư

Bộ Tư pháp đề nghị rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định cho phù hợp với chủ trương xã hội hóa nguồn lực được quy định tại Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045¹, Nghị quyết số 36-NQ/TW.

¹ Mục 2.c Chỉ thị số 31/CT-TTg quy định: “Tập trung, ưu tiên và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, trong đó có các nguồn lực xã hội hóa để triển khai thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ nhằm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Nghị quyết số 26/NQ-CP.

Lý do: Theo giải trình của cơ quan chủ trì soạn thảo tại cuộc họp thẩm định chỉ áp dụng cho đầu tư công với đối tượng thụ hưởng là các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập làm chủ đầu tư; không hỗ trợ cho doanh nghiệp, cá nhân đầu tư xây dựng các hạng mục thiết yếu để phát triển thủy sản, như đầu tư các cảng cá.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã rà soát, hoàn thiện nội dung hỗ trợ đầu tư đối với việc đầu tư mới cảng cá do tư nhân làm chủ tại khoản 1, khoản 5, điểm d khoản 6, khoản 8 Điều 7 dự thảo Nghị định. Như vậy, đối tượng doanh nghiệp đầu tư cảng cá đã được đưa vào dự thảo nghị định, phù hợp với Chỉ thị 31/CT-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định về điều kiện doanh nghiệp bảo hiểm.

Bộ Tư pháp đề nghị xem xét việc đặt ra các yêu cầu đối với doanh nghiệp bảo hiểm như tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định là chưa phù hợp với Luật Kinh doanh bảo hiểm; đồng thời chưa làm rõ trình tự, thủ tục để các chủ thể liên quan thanh toán, thụ hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm nên chưa bảo đảm tính khả thi.

Cụ thể: Khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định: “*Doanh nghiệp bảo hiểm triển khai chính sách hỗ trợ bảo hiểm phải bảo đảm đầy đủ các yêu cầu sau...*”, trong đó có yêu cầu: “*có trụ sở chính hoặc chi nhánh đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi triển khai chính sách hỗ trợ bảo hiểm*”, hay “*có chương trình tái bảo hiểm bảo đảm an toàn, hiệu quả...*”. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010, năm 2019), Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, tất cả các doanh nghiệp bảo hiểm đáp ứng đầy đủ yêu cầu về năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, giấy phép... đều có thể kinh doanh bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm rủi ro thiên tai như quy định tại khoản 1 và khoản 2 dự thảo Nghị định. Luật Kinh doanh bảo hiểm không bắt buộc doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải có “*trụ sở chính hoặc chi nhánh đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi triển khai chính sách hỗ trợ bảo hiểm*”, hay “*có chương trình tái bảo hiểm bảo đảm an toàn, hiệu quả*”... như quy định tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại Điều 8 dự thảo Nghị định: (i) Bỏ quy định về yêu cầu đối với doanh nghiệp bảo hiểm tại khoản 3 Điều 8; (ii) Quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục để các chủ thể liên quan thanh toán, thụ hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm tại khoản 4, khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định.

4. Điều 4 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc thực hiện

Bộ Tư pháp đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Cụ thể: Khoản 1 Điều 4 quy định nguyên tắc thực hiện: “*mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân quy định tại Nghị định này là mức hỗ trợ tối đa...*”. Nếu quy định như vậy, các địa phương không thể ban hành chính sách cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này. Trong khi đó, điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước quy định Hội đồng nhân dân cấp

tỉnh có nhiệm vụ: “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã chỉnh lý đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước tại Điều 5 của dự thảo Nghị định theo hướng quy định mức hỗ trợ tối thiểu.

5. Về thủ tục hành chính ở một số chính sách (Điều 12 về chính sách hỗ trợ đồng quản lý)

Bộ Tư pháp đề nghị rà soát kỹ lưỡng các chính sách và các quy định pháp luật có liên quan, quy định đầy đủ quy trình, thủ tục tại dự thảo Nghị định này, tránh trường hợp giao việc tổ chức thực hiện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng không có quy định về trình tự, thủ tục thực hiện.

Cụ thể: Một số quy định về chính sách hỗ trợ trong dự thảo Nghị định chưa quy định trình tự, thủ tục nhận hỗ trợ. Ví dụ, Điều 12 dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản nhưng không quy định thủ tục hỗ trợ; trong khi đó, khoản 10 Điều 16 dự thảo Nghị định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “*xác định nhu cầu tham gia đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện hỗ trợ các tổ chức theo quy định tại Điều 12 Nghị định này*”. Theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không được quy định thủ tục hành chính.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu; đã rà soát các chính sách, các quy định pháp luật có liên quan để quy định tại Điều 11 của dự thảo Nghị định.

6. Quy định điều khoản chuyển tiếp

Bộ Tư pháp đề nghị đánh giá kỹ tác động, nghiên cứu, bổ sung quy định rõ việc chuyển tiếp trong dự thảo Nghị định cho hợp lý, khả thi, tránh vướng mắc phát sinh đối với những sự thay đổi so với Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về tiêu chí để được nhận hỗ, chính sách hỗ trợ (tiêu chí chiều dài tàu cá....).

Cụ thể: Dự thảo Nghị định có sự thay đổi so với Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về tiêu chí để được nhận hỗ, chính sách hỗ trợ. Ví dụ, các chính sách quy định tại dự thảo Nghị định áp dụng đối với các tàu cá theo tiêu chuẩn chiều dài tàu (từ 15m trở lên); tuy nhiên, các tàu cá được hưởng chính sách theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP được xác định theo công suất máy. Như vậy, các tàu cá có chiều dài dưới 15m nhưng đáp ứng tiêu chí công suất máy đã được hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (chính sách bảo hiểm, duy tu, sửa chữa, đào tạo...) không tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ theo dự thảo Nghị định này.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau: Theo Luật thủy sản 2003, tàu cá được phân loại theo công suất; tàu cá theo Luật Thủy sản 2017 được phân loại theo chiều dài lớn nhất; tuy nhiên, về cơ bản vẫn phân theo vùng khai thác là ven bờ, vùng lộng, vùng khơi. Việc chuyển đổi từ công suất

sang chiều dài tàu đã được xử lý, hoàn thiện trong thực tế. Trong dự thảo Nghị định, đối với các tàu đã được hỗ trợ bởi Nghị định 67/2014/NĐ-CP đều được tiếp tục thực hiện chính sách đến khi hết thời hạn chính sách, kể cả duy tu, bảo dưỡng tàu vỏ thép, được quy định tại khoản 1 Điều 20 dự thảo Nghị định này.

7. Điều 8 về chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư

Bộ Tư pháp đề nghị rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định (và giải trình rõ trong Tờ trình Chính phủ) chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư tại Điều 8 dự thảo Nghị định đảm bảo không trùng lặp về đối tượng hỗ trợ với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn để đảm bảo sự phù hợp của dự thảo Nghị định với Nghị định số 57/2018/NĐ-CP (và dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

Cụ thể: Điều 8 dự thảo Nghị định quy định hỗ trợ một lần sau đầu tư, trong đó đối tượng được hỗ trợ bao gồm: “Tổ chức, cá nhân đầu tư mới cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển (bao gồm cơ sở nuôi cá biển, nhuyễn thể, tôm hùm, rong biển”. Tuy nhiên, hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (dự thảo Nghị định đã xin ý kiến các Thành viên Chính phủ). Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP cũng quy định các chính sách hỗ trợ dự án đầu tư chăn nuôi gia súc và nuôi trồng thủy sản (Điều 9) và hỗ trợ dự án đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông sản, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm và khai thác hải sản (Điều 10).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau:

- Qua theo dõi, tổng hợp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 quy định:

“2. Doanh nghiệp có dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản được hỗ trợ không quá 40% chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng của dự án, tối đa 15 tỷ đồng/dự án.

3. Quy mô công suất tối thiểu của dự án chăn nuôi gia súc và nuôi trồng thủy sản:

c) Dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô diện tích nuôi tối thiểu từ 05 ha trở lên.”

- Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 quy định chi tiết hơn, cụ thể hơn về đối tượng, điều kiện và mức hỗ trợ; đồng thời, tại khoản 2 Điều 5 dự thảo đã quy định “2. Trong cùng một thời gian, nếu tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ tại Nghị định này mà trùng với các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tổ chức, cá nhân được lựa chọn chính sách có mức ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.”

Như vậy, các nội dung về hỗ trợ một lần sau đầu tư hoàn toàn phù hợp và thống nhất, đồng bộ với nội dung tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 57/2018/NĐ-CP, đồng thời cũng cho tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn phương thức thực hiện chính sách phù hợp.

III. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Bộ Tư pháp đề nghị tiếp tục rà soát các cam kết quốc tế có liên quan để đảm bảo các nội dung dự thảo Nghị định tương thích với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhất là các cam kết về trợ cấp trong WTO, Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam - EU (EVFTA) và làm rõ nội dung này trong Tờ trình Chính phủ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát và thấy rằng chưa có phát sinh vướng mắc với các cam kết về trợ cấp trong WTO, Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam - EU (EVFTA).

IV. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỚI CÁC CHÍNH SÁCH ĐƯỢC THÔNG QUA

Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ các vấn đề mới không thuộc phạm vi 05 chính sách đã được Lãnh đạo Chính phủ đồng ý; đánh giá kỹ tác động của chính sách này và làm rõ trong Tờ trình Chính phủ để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Lý do: Dự thảo Nghị định có một số quy định nằm ngoài các chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Văn bản số 9361/VPCP-NN ngày 22/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản. Cụ thể, Điều 13 dự thảo Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ gia dân có hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản trong phạm vi khu bảo tồn biển; tuy nhiên, nội dung này không thuộc 05 Chính sách do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất tại Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCST và đã được Lãnh đạo Chính phủ đồng ý thông qua tại Văn bản số 9361/VPCP-NN.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu; đã làm rõ tại Tờ trình và báo cáo đánh giá tác động chính sách tại mục “9. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản ven bờ”.

V. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC); VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính

a) Về đánh giá tác động thủ tục hành chính

Bộ Tư pháp đề nghị hoàn thiện đầy đủ tất cả các TTHC trong dự thảo Nghị định; đồng thời hoàn thiện Báo cáo đánh giá TTHC theo hướng đánh giá tác động và tính toán chi phí tuân thủ TTHC đối với tất cả các TTHC theo hướng dẫn của Thông tư số 03/2022/TT-BTP.

Lý do: Dự thảo Nghị định quy định tối thiểu 05 thủ tục hành chính (TTHC)² theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP quy định về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ); Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, Báo cáo đánh giá tác động TTHC của cơ quan chủ trì soạn thảo chỉ đề cập đến 03 TTHC³.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, bổ sung đánh giá TTHC (chi tiết tại báo cáo đánh giá thủ tục hành chính kèm theo).

b) Về thời hạn của TTHC

Bộ Tư pháp đề nghị bổ sung quy định rõ thời hạn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt sau khi nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của TTHC quy định tại khoản 5 Điều 6 (thủ tục xác nhận nguyên nhân khách quan, bất khả kháng), điểm c khoản 7 Điều 8 (thủ tục hỗ trợ một lần sau đầu tư), Điều 11 (thủ tục hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép) và Điều 13 (TTHC hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ có hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản trong phạm vi khu bảo tồn biển) dự thảo Nghị định để bảo đảm tính kịp thời của việc thực hiện các chính sách hỗ trợ, rõ ràng trong quá trình thực hiện.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:

c) Về trình tự thực hiện việc hỗ trợ một lần sau đầu tư (khoản 7 Điều 8 dự thảo Nghị định)

Bộ Tư pháp đề nghị bổ sung vào dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ các vấn đề sau đây để đảm bảo tính khả thi: Khoản 7 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định trình tự thực hiện việc hỗ trợ một lần sau đầu tư. Tuy nhiên, nội dung khoản này chưa quy định rõ: (i) thủ tục cơ quan nhà nước xác nhận về việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ; (ii) chưa dự kiến nguồn kinh phí triển khai thực hiện chính sách này; (iii) thủ tục sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ sau bao nhiêu ngày thì báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính? (iv) trình tự, thủ tục nhận hỗ trợ của tổ chức/cá nhân?

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu cụ thể như sau:

(i) Đã bổ sung thủ tục cơ quan nhà nước xác nhận về việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ chung cho các TTHC tại Điều 4 dự thảo Nghị định.

² 05 TTHC bao gồm: (i) Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư (Nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống thủy sản); (ii) Xác nhận nguyên nhân khách quan, bất khả kháng của chủ tàu cá. (iii) Hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép; (iv) UBND cấp tỉnh chấp thuận phương án chuyển nhượng tàu cá (khoản 1 Điều 7, khoản 4 Điều 16); (v) hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ có hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản trong phạm vi khu bảo tồn biển (Điều 13).

³ 03 TTHC bao gồm: (i) Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư (Nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống thủy sản); (ii) Xác nhận nguyên nhân khách quan, bất khả kháng của chủ tàu cá. (iii) Hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép.

(ii) *Đã bổ sung dự kiến nguồn kinh phí triển khai thực hiện chính sách này tại mục V của dự thảo Tờ trình.*

(iii) *Đã bổ sung thời hạn báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ tại điểm a khoản 8 Điều 7 dự thảo Nghị định này.*

(iv) *Đã bổ sung trình tự thủ tục hỗ trợ tại điểm a điểm b điểm c khoản 8 Điều 7 dự thảo Nghị định này.*

d) Về quy định tại điểm a khoản 6 Điều 13 dự thảo Nghị định

Bộ Tư pháp đề nghị bổ sung: (i) mẫu đơn để đối tượng đăng ký với Ban quản lý khu bảo tồn biển; (ii) thời hạn Ban quản lý khu bảo tồn biển phải gửi danh sách đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau khi nhận được đăng ký của người dân) để có cơ sở cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải quyết đề nghị hỗ trợ của người dân nêu tại điểm b khoản 6 Điều 13 dự thảo Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã: (i) Bổ sung mẫu Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại Phụ lục VIII dự thảo Nghị định này; (ii) Đã bỏ thủ tục hành chính đối với quy định về chính sách hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, vì vậy không còn thời hạn này.

2. Về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định

Bộ Tư pháp đề nghị bổ sung đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định theo quy định (nếu có).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đánh giá tại mục khoản 3 mục V của Tờ trình về lồng ghép bình đẳng giới.

VI. VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về quy định riêng chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các nhóm chủ tàu trên (chuyên tiếp)

Bộ Tư pháp đề nghị nghiên cứu quy định riêng về chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các nhóm chủ tàu (chuyên tiếp) sau đây để đảm bảo nhất quán về chính sách hỗ trợ, đảm bảo việc tổ chức thực hiện được thuận tiện, rõ ràng: gồm: (i) chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (bao gồm cả khoản vay được cơ cấu nợ giữ nguyên nhóm nợ do nguyên nhân khách quan bất khả kháng); (ii) khoản vay của chủ tàu nhận chuyển đổi chủ tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; (iii) khoản vay của chủ tàu nhận chuyển nhượng tàu cá theo quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định (nếu phát sinh vay vốn ngân hàng). Vì theo quy định tại dự thảo Nghị định, các nhóm chủ tàu nêu trên được tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, đưa các nội dung trên vào Chương IV Điều khoản chuyển tiếp (Điều 18, Điều 19 Điều 20) dự thảo Nghị định.

2. Về hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thân tàu (điểm b khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định)

Bộ Tư pháp đề nghị cân nhắc, chỉnh lý lại điểm b khoản 2 Điều 9 dự thảo

Nghị định để đảm bảo tính khả thi của văn bản và giải trình rõ vấn đề này trong Tờ trình Chính phủ. Cụ thể: Điểm b khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định: “*hỗ trợ 70% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu...*”. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018) quy định “*hỗ trợ 50% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu...*”. Trong khi đó, Công văn số 8239/BTC-NSNN ngày 19/8/2022 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đề nghị: “*giữ nguyên mức ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu...*”.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức họp thống nhất với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nội dung này ngày 04/11/2022. Tuy nhiên Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa thống nhất được với nhau. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đưa nội dung này để báo cáo xin ý kiến Chính phủ tại Tờ trình.

3. Về tỷ lệ sử dụng lao động và hỗ trợ chi phí hạ tầng nuôi (điểm b khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định)

Bộ Tư pháp đề nghị giải thích, làm rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc lựa chọn tỷ lệ % quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định: “*sử dụng tối thiểu 30% số lao động làm việc tại cơ sở*” và “*hỗ trợ không quá 30% giá trị chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng của cơ sở nuôi nhuyễn thể...*” để đảm bảo tính khả thi của dự thảo Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin giải trình như sau:

- Hiện nay, các cơ sở nuôi biển thu thập lao động từ nhiều địa phương khác nhau, vừa có nguy cơ gây mất trật tự trị an, vừa không sử dụng được nguồn lao động tại chỗ. Để đảm bảo phát triển kinh tế-xã hội ổn định tại địa phương, tạo công ăn việc làm cho người địa phương, việc quy định tỷ trọng sử dụng lao động là người địa phương là rất quan trọng và cần thiết.

- Sau khi tổ chức khảo sát ở các địa phương và các cơ sở nuôi nhuyễn thể, tham khảo quy định tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 57/2018/NĐ-CP, Ban soạn đã sửa điểm này như sau: “*Hỗ trợ không quá 40% giá trị chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng của cơ sở nuôi nhuyễn thể, rong biển, tôm hùm, nhưng không quá 01 tỷ đồng/cơ sở*”.

3. Quy định về chuyển đổi nghề (khoản 3 Điều 13 dự thảo Nghị định)

Bộ Tư pháp đề nghị rà soát, chỉnh lý lại khoản 3 Điều 13 dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất của văn bản.

Cụ thể: Khoản 3 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định điều kiện để được hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ có hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản trong phạm vi khu bảo tồn biển bao gồm đối tượng “*phải chuyển đổi từ nghề thủy sản sang nghề khác*”. Trong khi đó, tại khoản 4, khoản 5 Điều này lại chỉ thể hiện đối tượng “*phải chuyển đổi từ nghề thủy sản sang làm dịch vụ du lịch*” là chưa thống nhất về phạm vi, đối tượng hỗ trợ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, đã chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 12 dự thảo Nghị định.

4. Về chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn (Điều 10 dự thảo Nghị định)

Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ việc chính sách hỗ trợ đào tạo có được áp dụng đối với các đối tượng chủ tàu/tàu cá vay vốn hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; nhận bàn giao tàu theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung); và nhận chuyển nhượng tàu quy định tại Điều 7 Nghị định này hay không?

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau: Chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn quy định tại Nghị định này được áp dụng cho tất cả các chủ tàu, thủy thủ trên tàu cá có chiều dài >12m, trong đó có các đối tượng chủ tàu/tàu cá vay vốn hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; nhận bàn giao tàu theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung) và nhận chuyển nhượng tàu.

5. Về chính sách hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép (Điều 11 dự thảo Nghị định)

Bộ Tư pháp đề nghị quy định về thời gian hỗ trợ duy tu, sửa chữa đối với tàu cá theo khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định được thực hiện trong suốt thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất (bao gồm cả thời gian được cơ cấu lại thời hạn trả nợ do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định tại Điều 4 Nghị định này) và cần quy định cụ thể đối với việc hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép 01 lần/năm hay hỗ trợ 01 lần/con tàu. Trường hợp hỗ trợ 01 lần/năm thì cần bổ sung thời gian được gia hạn nợ vay do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã chỉnh sửa tại Điều 10 dự thảo Nghị định.

6. Về trách nhiệm của các Bộ, ngành, (Điều 15 dự thảo Nghị định), của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 16 dự thảo Nghị định), của các Hội, Hiệp hội thủy sản

Bộ Tư pháp đề nghị phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, chỉnh lý cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, ví dụ:

(i) Liên quan đến việc cấp bù lãi suất đối với các khoản vay đóng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ hướng dẫn và thực hiện hỗ trợ cấp bù lãi suất. Do vậy, để đảm bảo tính liên tục trong việc chuyển tiếp chính sách này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát Điều 15 dự thảo Nghị định và bổ sung thêm trách nhiệm của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan (nếu có).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát kỹ Điều 14 tại dự thảo Nghị định này.

(ii) Điểm g khoản 1 Điều 15 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc hướng dẫn chuyển đổi nghề khai thác nhằm tạo điều kiện cho chủ tàu khai thác con tàu hiệu quả hơn và vẫn tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước; tuy nhiên, trong dự thảo Nghị định không có chính sách cụ thể về nội dung này. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại nội dung này cho phù hợp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã biên tập chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản vùng biển ven bờ (Điều 12 dự thảo Nghị định) nên việc quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cần thiết.

(iii) Khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của các hội, hiệp hội thủy sản trong việc “phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ ngư dân đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách theo quy định tại Nghị định này”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định không quy định việc tham gia của Hội, Hiệp hội thủy sản trong việc phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ ngư dân. Quy định như vậy chưa đảm bảo tính khả thi, có thể không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội, hiệp hội thủy sản.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bổ sung, đưa điều kiện để được hưởng các chính sách như đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn thì các đối tượng thụ hưởng chính sách phải là thành viên tổ, đội hợp tác, hội nghề cá, nghiệp đoàn nghề cá Việt Nam, Hiệp hội nuôi biển Việt Nam... Vì vậy, việc quy định trách nhiệm của các hội, hiệp hội nghề nghiệp tại Điều 16 dự thảo Nghị định này là cần thiết, phù hợp.

VII. VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THÌ HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại mục V.1 Tờ trình, đồng thời bổ sung nội dung đánh giá, thuyết minh về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định, trong đó cần làm rõ các quy định nào phát sinh thêm nguồn lực, tổ chức và tăng chi phí thực hiện cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng như đối tượng thực hiện. Trên cơ sở đó, Chính phủ mới có đủ căn cứ để xem xét, quyết định; đảm bảo tính khả thi của văn bản sau khi ban hành. Cụ thể: Dự thảo Tờ trình đã đánh giá, thuyết minh về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định, trong đó mục V.1 Tờ trình nêu: “*Kinh phí xây dựng Nghị định: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính. Năm tài chính thực hiện chi là năm 2022*”. Tuy nhiên, ngày 06/7/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 42/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC, đồng thời đến nay đã là tháng 10 năm 2022, vì vậy, đề xuất “*năm tài chính thực hiện chi là năm 2022*” có thể sẽ không khả thi.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã rà soát, chỉnh lý các nội dung nêu trên tại mục V của Tờ trình cụ thể:

(i) *Chỉnh sửa kinh phí xây dựng nghị định theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định sử dụng kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số Điều của Thông tư 338/2016/TT-BTC tại mục V.1. của Tờ trình.*

(ii) *Nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Nghị định đối với Nuôi trồng thủy sản; Khai thác thủy sản và Bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản được nêu cụ thể tại mục V.2 của Tờ trình.*

VIII. VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO

1. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Bộ Tư pháp đề nghị rà soát, hoàn thiện nội dung Tờ trình và các tài liệu trong hồ sơ dự thảo Nghị định theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương trước khi trình Chính phủ. Trong đó lưu ý:

(i) Tờ trình Chính phủ cần phân tích, làm rõ sự cần thiết ban hành các chính sách tại dự thảo Nghị định, bổ sung vấn đề mới phát sinh ngoài các chính sách mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất tại Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCTS.

(ii) Nội dung Báo cáo đánh giá tác động đối với các chính sách còn sơ sài, chưa bảo đảm yêu cầu quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

(iii) Báo cáo tổng kết Nghị định số 67/2014/NĐ-CP mới chỉ đề cập khái quát việc triển khai thực hiện các chính sách/quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP trong thời gian qua (như ban hành các Thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính, dư nợ cho vay; vướng mắc do khách hàng vay không trả được nợ đúng hạn) mà chưa chỉ ra được các bất cập, vướng mắc do các quy định pháp luật, như quy định liên quan đến cơ cấu thời hạn trả nợ giải ngân nhóm nợ (Điều 6 dự thảo Nghị định). Do vậy, để có cơ sở thông tin đầy đủ, đảm bảo tính toàn diện, khả thi của dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện Báo cáo tổng kết Nghị định số 67/2014/NĐ-CP theo hướng: đánh giá đầy đủ các bất cập, vướng mắc; làm rõ các vướng mắc, bất cập đó là do quy định pháp luật hay do tổ chức thực hiện (hay do cả hai); trên cơ sở đó nghiên cứu, hoàn thiện các quy định tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, đã phân tích, làm rõ sự cần thiết và hoàn thiện Tờ trình; đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện Báo cáo Tổng kết Nghị định 67/2014/NĐ-CP theo hướng đánh giá đầy đủ các bất cập, vướng mắc; làm rõ các vướng mắc, bất cập đó là do quy định pháp luật hay do tổ chức thực hiện (hay do cả hai); rà soát, bổ sung, hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động đối với các chính sách theo yêu cầu quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

2. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Bộ Tư pháp đề nghị rà soát lại ngôn ngữ, hình thức, kỹ thuật trình bày văn bản cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Ví dụ:

(i) Đề nghị rà soát, sử dụng thống nhất các cụm từ như “khoản vay”, “cơ cấu lại thời hạn trả nợ”, “khoản vay của chủ tàu được cơ cấu lại thời hạn trả nợ”, “Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014”... tại các Điều 1, khoản 2 Điều 3, Điều 6, Điều 7 dự thảo Nghị định;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, đã rà soát để thống nhất các từ, cụm từ trong toàn bộ dự thảo Nghị định này.

(ii) Điều 6 dự thảo Nghị định quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá. Đây không phải là chính sách mới mà là quy định nhằm khắc phục tồn tại, vướng mắc của các chính sách đã được quy định, triển khai tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và phù hợp với thực tế hiện nay. Do vậy, đề nghị chuyển nội dung Điều 6 dự thảo Nghị định xuống điều khoản chuyển tiếp của dự thảo Nghị định theo hướng: (i) chuyển tiếp các khoản vay còn dư nợ; (ii) tiếp tục hỗ trợ lãi suất (cấp bù) đối với các khoản vay đó.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, đã chuyển các nội dung tại Điều 6, Điều 7 về quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Chương IV về điều khoản chuyển tiếp của dự thảo Nghị định này.

(iii) Điều 14 dự thảo Nghị định thực chất là nội dung tổ chức thi hành, việc xử lý nguồn tiền, lập dự toán, thanh quyết toán, vì vậy đề nghị cân nhắc đưa xuống Chương III dự thảo Nghị định;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu; đã chuyển thành Điều 13. Nguồn vốn và cơ chế thực hiện chính sách tại Chương III. Tổ chức thực hiện của dự thảo Nghị định này.

(iv) Nghị định này ban hành để thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định có nhiều điều, khoản viện dẫn đến Nghị định số 67/2014/NĐ-CP là không phù hợp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, quy định đầy đủ tại dự thảo Nghị định, không viện dẫn Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu; đã chỉnh lý tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Chương IV. Điều khoản chuyển tiếp của dự thảo Nghị định.

IX. VỀ PHỐI HỢP VỚI BỘ TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM, BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN ĐỂ HOÀN THIỆN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp trước khi trình Chính phủ.

*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu; đã tổ chức họp với các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 04.11.2022 (chi tiết tại phụ lục kèm theo) để thống nhất, hoàn thiện dự thảo Nghị định, Tờ trình, Báo cáo tổng kết, Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính và các tài liệu kèm theo. **Nội dung chưa thống nhất giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đưa nội dung này để báo cáo xin ý kiến Chính phủ tại Tờ trình.*

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

Phụ lục

**TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ:
TƯ PHÁP, TÀI CHÍNH, KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ MỘT SỐ CHÍNH
SÁCH PHÁT TRIỂN THỦY SẢN (THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH 67/2014/NĐ-CP)**

*(Kèm theo Báo cáo số 7765 /BC-BNN-TCTS ngày 18 tháng 11 năm 2022 của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**I. Ý KIẾN CỦA BỘ TƯ PHÁP (TẠI VĂN BẢN SỐ 2525/BTP-PLDSKT
NGÀY 19/7/2022):**

A. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 4 (khoá X) của Đảng về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015; Nghị định số 172/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018). Sau 7 năm triển khai thi hành, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP đã bộc lộ một số bất cập, vướng mắc như đã thể hiện tại mục I dự thảo Tờ trình. Theo thông tin cung cấp tại dự thảo Tờ trình (trang 6), ngày 18/6/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCTS đề nghị xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/07/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản). Ngày 22/12/2021, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 9361/VPCP-NN về đề nghị xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản, theo đó Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành có ý kiến: “*đồng ý giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản; trình Chính phủ vào đầu quý IV năm 2022*”.

Căn cứ các yêu cầu và ý kiến chỉ đạo nêu trên, việc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản là cần thiết.

B. Về nội dung dự thảo Nghị định

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định đã được Lãnh đạo Chính phủ đồng ý tại Văn bản số 9361/VPCP-NN của Văn phòng Chính phủ để thể hiện đúng và đầy đủ trong dự thảo Nghị định, đồng thời, lưu ý một số vấn đề sau đây:

1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định

1.1. Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “*Nghị định này quy định chính sách về đầu tư; tín dụng; cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá; chuyển nhượng tàu cá; bảo hiểm; hỗ trợ đào tạo; chi phí duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép và thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn*

lợi thủy sản để phát triển thủy sản”. Tuy nhiên, Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCTS, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất phạm vi điều chỉnh của Nghị định: “*Nghị định này quy định chính sách về đầu tư, chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư và một số chính sách khác để phát triển thủy sản*” (mục II.1) và 05 chính sách¹ (mục IV). Tại mục 2 Văn bản số 8335/BNN-TCTS ngày 09/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo tiếp thu hoàn thiện đề xuất xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất nội dung chỉnh sửa phạm vi điều chỉnh cụ thể như sau: “*Nghị định này quy định chính sách về đầu tư; chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư; bảo hiểm; hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép; hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản và một số chính sách khác để phát triển thủy sản*”. Trong khi đó, dự thảo Tờ trình chưa làm rõ nội hàm của cụm từ “một số chính sách khác để phát triển thủy sản” bao gồm các chính sách nào? So với Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCTS và Văn bản số 8335/BNN-TCTS, phạm vi điều chỉnh dự thảo Nghị định mở rộng thêm 03 chính sách², đồng thời, chưa thống nhất về tên gọi của chính sách hỗ trợ đào tạo³ và thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản để phát triển thủy sản⁴. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội hàm của cụm từ “một số chính sách khác để phát triển thủy sản” và giải trình rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc đề xuất phạm vi điều chỉnh này.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã rà soát, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với các chính sách đã đề xuất cụ thể tại Điều 1 như sau: “Nghị định này quy định chính sách để phát triển thủy sản: đầu tư; hỗ trợ một lần sau đầu tư; hỗ trợ chi phí bảo hiểm; hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép, hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực; hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản vùng ven bờ”.

1.2. Về đối tượng áp dụng

Dự thảo Nghị định ban hành để thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 89/2015/NĐ-CP; Nghị định số 172/2016/NĐ-CP và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP. Tại các Nghị định nêu trên,

¹ Chính sách 1: sửa đổi chính sách đầu tư; chính sách 2: sửa đổi chính sách chuyển đổi chủ tàu; chính sách 3: chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư; chính sách 4: sửa đổi chính sách bảo hiểm; chính sách 5 sửa đổi, bổ sung một số chính sách khác, bao gồm: (i) đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng..., (ii) chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép; (iii) kinh phí thực hiện đồng quản lý trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

² Bao gồm: (i) chính sách tín dụng; (ii) cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá; (iii) chuyển nhượng tàu cá

³ Theo Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCTS, tên gọi chính sách là: đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng.

⁴ Theo Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCTS, tên gọi chính sách là: kinh phí thực hiện đồng quản lý trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

đối tượng áp dụng bao gồm: (i) tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động thủy sản; (ii) tổ chức, cá nhân đặt hàng đóng mới tàu, nâng cấp tàu (thay máy; gia cố bọc vỏ thép; bọc vỏ vật liệu mới; mua ngư lưới cụ, trang thiết bị hàng hải, trang thiết bị khai thác, trang thiết bị bảo quản sản phẩm, trang thiết bị bốc xếp hàng hóa) phục vụ hoạt động khai thác hải sản; (iii) tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động thủy sản. Do vậy, để đảm bảo tính ổn định và kế thừa của pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định cho đầy đủ, toàn diện.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và đã rà soát, chỉnh lý, xác định, làm rõ đối tượng thụ hưởng tại Điều 2 dự thảo Nghị định như sau: “Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các chính sách được quy định tại Nghị định này.

2. Về chính sách đầu tư (Điều 3)

Khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*ngân sách trung ương đầu tư 100% kinh phí xây dựng các hạng mục thiết yếu.... Hỗ trợ tối đa 90% kinh phí xây dựng các hạng mục thiết yếu... cấp tỉnh*”. Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*Ngân sách địa phương đầu tư 100% kinh phí đối với các dự án tại địa phương, thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đáp ứng quy định của Nghị định này,...*”. Như vậy, quy định như dự thảo Nghị định có thể dẫn đến trường hợp dự án tại các địa phương đồng thời được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3 dự thảo Nghị định (nếu đáp ứng quy định của Nghị định này). Bên cạnh đó, dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định cũng chưa làm rõ: (i) chủ thể được hỗ trợ ngân sách trung ương; (ii) trình tự, thủ tục nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý lại Điều 3 dự thảo Nghị định cho phù hợp.

Ngoài ra, hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Bộ Tư pháp đã thẩm định dự thảo Nghị định này, hiện nay đang xin ý kiến các Thành viên Chính phủ về việc ban hành Nghị định), trong đó có quy định về hỗ trợ dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản của doanh nghiệp. Vì vậy, đề nghị Quý Bộ rà soát các chính sách đầu tư (nội dung hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ) tại dự thảo Nghị định để tránh trùng lặp, chồng chéo nhằm đảm bảo tính tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, rà soát cụ thể tại Điều 6, Điều 7 dự thảo Nghị định này.

3. Về cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá (Điều 4)

Như đã phân tích tại mục II.1 Công văn này, để bảo đảm tính hợp pháp của dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá trong Tờ trình Chính phủ.

Khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: “*Chủ tàu vay vốn tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP chưa trả nợ đúng hạn cho ngân hàng do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được ngân hàng thương mại xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất...*”. Như vậy, đối tượng áp dụng của Điều 4 dự thảo Nghị định chỉ áp dụng đối với các chủ tàu đã vay vốn tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP mà không áp dụng đối với tất cả các đối tượng theo quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị định. Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định chưa tách bạch rõ: (i) các khoản vay của các tàu cá được hưởng chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung); (ii) các khoản vay nhận bàn giao theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu tại Nghị định 17/2018/NĐ-CP; (iii) các khoản vay nhận chuyển nhượng tàu quy định tại dự thảo Nghị định này có được hưởng chính sách tại Điều 4 dự thảo Nghị định này không? Đồng thời, dự thảo Nghị định chưa làm rõ trường hợp sau thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ mà chủ tàu vẫn không trả được nợ vay đúng hạn thì ngân hàng thương mại sẽ áp dụng biện pháp gì để thu hồi và bảo toàn vốn? Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý lại Điều 4 dự thảo Nghị định cho phù hợp, tránh lạm dụng chính sách, đồng thời vẫn bảo đảm được quyền lợi hợp pháp, chính đáng của chủ tàu và bảo toàn vốn cho các tổ chức tín dụng.

Bên cạnh đó, điểm e khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: “*Trường hợp phát sinh các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định*”. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình chưa làm rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn để Thủ tướng Chính phủ quyết định về nguyên nhân khách quan, bất khả kháng. Dự thảo Nghị định cũng chưa đưa ra các nguyên tắc, tiêu chí thế nào là nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác để trên cơ sở đó Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015 có quy định về sự kiện bất khả kháng⁵ và trở ngại khách quan⁶. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu Bộ luật Dân sự năm 2015 để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 18. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá. Chương IV. Điều khoản chuyển tiếp của dự thảo Nghị định này.

⁵ Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép

⁶ Trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền, nghĩa vụ dân sự không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ dân sự của mình

4. Về cơ chế chuyển nhượng tàu cá (Điều 5)

Như đã phân tích tại mục II.1 Công văn này, để bảo đảm tính hợp pháp của dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của chính sách cơ chế chuyển nhượng tàu cá trong Tờ trình Chính phủ.

Bên cạnh đó, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Nghị định số 89/2015/NĐ-CP, Nghị định số 172/2016/NĐ-CP và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP đã có quy định về chuyển đổi chủ tàu và được thực hiện trong các trường hợp chủ tàu không còn khả năng tiếp tục thực hiện dự án đóng mới, nâng cấp tàu hoặc đã hoàn thành đóng mới nhưng không đủ năng lực để hoạt động. Tuy nhiên, cơ chế này hiện nay có thể không còn phù hợp và không khả thi bởi vì: (i) thời điểm hiện nay, giá trị thực tế con tàu thấp hơn nhiều so với khoản nợ vay của chủ tàu cũ; (ii) một số ngư dân cho đây là tiền hỗ trợ của Nhà nước nên có tư tưởng lợi dụng, chây ỳ, không trả nợ hoặc kéo dài thời gian trả nợ⁷; (iii) theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Thủy sản, tổ chức, cá nhân đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên hoạt động trên biển phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. Do vậy, phương án chuyển nhượng tàu cần phải được phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc, hoàn thiện lại chính sách này theo hướng: (i) quy định rõ giá chuyển nhượng tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ đóng mới, nâng cấp theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP được xác định theo phương thức đàm phán, thỏa thuận để thống nhất giá chuyển nhượng tàu; (ii) cân nhắc bổ sung chế tài đối với trường hợp chủ tàu cũ có nguồn thu nhưng không trả nợ ngân hàng thương mại theo cam kết hoặc kinh doanh thua lỗ kéo dài, không trả được nợ vay mà không thực hiện chuyển nhượng tàu; (iii) chủ tàu mới có năng lực khai thác thủy sản và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chấp thuận phương án chuyển nhượng tàu theo quy định của Luật Thủy sản...

Đồng thời, đề nghị làm rõ loại thuế, loại phí đề nghị được miễn liên quan đến việc chuyển nhượng, sang tên từ chủ tàu cũ sang chủ tàu mới quy định tại khoản 5 Điều 5 dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về thuế, phí.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 19. Cơ chế chuyển nhượng tàu cá. Chương IV. Điều khoản chuyển tiếp của dự thảo Nghị định này.

5. Về chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư (Điều 6)

Điều 6 dự thảo Nghị định quy định chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư, bao gồm: (i) đối tượng được hỗ trợ; (ii) điều kiện được hỗ trợ; (iii) mức hỗ trợ; (iv) trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị phê duyệt hỗ trợ một lần sau đầu tư nhưng cơ quan chủ trì soạn thảo chưa làm rõ nội dung cụ thể của chính sách hỗ trợ một lần sau

⁷ Theo mục I.2 (trang 4) dự thảo Tờ trình.

đầu tư. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện nội dung Điều 6 dự thảo Nghị định cho đầy đủ, khả thi.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 7. Hỗ trợ một lần sau đầu tư của dự thảo Nghị định này.

6. Về chính sách bảo hiểm (Điều 7)

Ngày 16/6/2022, Quốc hội đã thông qua Luật Kinh doanh bảo hiểm. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023, trong đó có quy định mới về hoạt động kinh doanh bảo hiểm nói chung và chính sách bảo hiểm nông nghiệp nói riêng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham khảo Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 để có sự chỉnh lý, hoàn thiện (nếu có), đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Theo nội dung Điều 7 dự thảo Nghị định quy định về chính sách bảo hiểm cho tàu cá căn cứ vào chiều dài của tàu (tàu có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên). Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm cho các tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ căn cứ vào công suất máy chính⁸. Do vậy, để đảm bảo tính khả thi của văn bản, tạo điều kiện thuận lợi khi triển khai thi hành Nghị định này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo: (i) đánh giá kỹ tác động chính sách này khi thay đổi tiêu chí hỗ trợ tàu cá; (ii) phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan rà soát, hoàn thiện nội dung Điều 7 dự thảo Nghị định cho phù hợp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 8. Hỗ trợ chi phí bảo hiểm của dự thảo Nghị định này.

7. Về chính sách hỗ trợ đào tạo (Điều 8)

Khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định: “Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo thuyền viên tàu cá ...”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa quy định cụ thể về: (i) hỗ trợ đào tạo cho thuyền viên xác định theo con tàu hay theo thuyền viên⁹; (ii) hỗ trợ 01 lần cho thuyền viên hay hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng định kỳ, đào tạo nâng cao,... cho thuyền viên. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, hoàn thiện Điều 8 dự thảo Nghị định cho phù hợp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 9. Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn của dự thảo Nghị định này.

8. Về chính sách duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép (Điều 9)

⁸ Theo đó, Điều 5 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP quy định: “2. Hỗ trợ hàng năm kinh phí mua bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên mỗi tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) với mức: (a) 70% kinh phí mua bảo hiểm đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV đến dưới 400CV; (b) 90% kinh phí mua bảo hiểm đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.

⁹ Ví dụ: Trường hợp nếu hỗ trợ đào tạo cho thuyền viên xác định theo con tàu thì trường hợp chủ tàu mới (sau khi nhận chuyển nhượng tàu) thuê thuyền viên mới có được hưởng hỗ trợ theo chính sách này không; hoặc trường hợp vẫn chủ tàu cũ nhưng nếu chủ tàu thuê thuyền viên mới thì thuê thuyền viên mới có được hỗ trợ không.

Khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định: “*Hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép...*”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa làm rõ chính sách duy tu, sửa chữa tàu cá có áp dụng đối với các đối tượng: (i) chủ tàu cá nhận bàn giao tàu theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung); và (ii) chủ tàu cá nhận chuyển nhượng tàu quy định tại Điều 5 Nghị định này. Theo quy định tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định, tàu cá có chiều dài dưới 15 mét sẽ không được hưởng chính sách hỗ trợ duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép. Trong khi đó, các chủ tàu vay vốn, đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP tính theo công suất máy chính mà không tính theo chiều dài con tàu. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc lại quy định tại Điều 9 dự thảo Nghị định, đảm bảo tính công bằng trong việc thụ hưởng chính sách của nhà nước.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 10. Hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép của dự thảo Nghị định này.

9. Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Điều 12)

Khoản 3 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định: “*Giao Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức xem xét, thẩm định sự phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương của “Đề án hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản”, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án*”. Tuy nhiên, nhiệm vụ này thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, không nên đưa vào dự thảo Nghị định. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, lược bỏ khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của dự thảo Nghị định này.

10. Về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan (Điều 14)

Tên gọi Điều 14 dự thảo Nghị định là quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có liên quan, nhưng nội dung khoản 2 và khoản 3 Điều này¹⁰ là nội dung về việc chuyển nhượng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan, không phải là quyền. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý lại cho phù hợp.

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định chưa quy định cụ thể về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan được nhận hỗ trợ nhằm góp phần giải quyết vấn đề nợ xấu,

¹⁰ Điều 14: (2) “*Trường hợp chủ tàu không còn khả năng tiếp tục thực hiện dự án đóng mới tàu cá hoặc chủ tàu đã hoàn thành đóng mới tàu nhưng chuyển quyền thực hiện dự án cho chủ tàu mới, khi chủ tàu mới đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này thì chủ tàu mới tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ và thực hiện các nghĩa vụ của dự án được nối tiếp*”; (3) “*Trường hợp chủ tàu gặp rủi ro trong quá trình khai thác, đánh bắt do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, kịp thời thực hiện các thủ tục về xác nhận rủi ro, thiệt hại, phạm vi bảo hiểm, ... để người dân sớm được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định*”.

nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bổ sung các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân theo hướng: (i) các chính sách hỗ trợ sẽ không áp dụng cho những đối tượng thực hiện hoạt động thủy sản thuộc nhóm các hành vi nghiêm cấm trong hoạt động thủy sản (Điều 7 Luật Thủy sản); (ii) ngừng hoặc rút hỗ trợ đã cấp đối với tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động bị nghiêm cấm (như khai thác IUU, các hoạt động khai thác gây hại tới nguồn lợi thủy sản như khai thác thủy sản có nguy cơ tuyệt chủng, khai thác quá mức hoặc bằng các phương pháp tận diệt ...).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan của dự thảo Nghị định này.

11. Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 15)

Dự thảo Nghị định được ban hành mới để thay thế cho Nghị định 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bởi các Nghị định số: 89/2015/NĐ-CP, 172/2016/NĐ-CP, 17/2018/NĐ-CP). Như vậy, sau khi dự thảo Nghị định được ban hành và có hiệu lực thi hành thì Nghị định số 67/2014/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung về điều khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định để đảm bảo xử lý các trường hợp đang thực hiện theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP để tránh tạo ra khoảng trống pháp lý và xử lý đầy đủ các tình huống phát sinh sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 15 thành các Điều 18, Điều 19, Điều 20 thuộc Chương IV. Điều khoản chuyển tiếp của dự thảo Nghị định này.

12. Về các thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định có quy định về thủ tục hành chính. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020) Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh bổ sung chi tiết tại Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính đối với:

(1) Hỗ trợ một lần sau đầu tư; (2) Hỗ trợ chi phí bảo hiểm; (3) Hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép; (4) Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác nhằm giảm cường lực khai thác ven bờ; (5) Xác nhận nguyên nhân khách quan, bất khả kháng của chủ tàu cá.

C. Về trình tự, thủ tục và kỹ thuật soạn thảo văn bản

1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý về ngôn ngữ, thể thức,

kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Ví dụ: Điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*Ưu tiên xây dựng, nâng cấp công trình tại các đảo và cảng cá động lực thuộc các Trung tâm nghề cá lớn*” và khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*Khuyến khích các địa phương chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương đầu tư các công trình, hạng mục công trình thuộc đối tượng được ngân sách Trung ương đầu tư, hỗ trợ đầu tư*” chưa thể hiện rõ tính quy phạm pháp luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa để thể hiện đảm bảo tính quy phạm pháp luật.

Nội dung của các khoản 5 và khoản 8, khoản 6 và khoản 9 tại Điều 12 dự thảo Nghị định đang có sự trùng lặp. Do vậy, đề nghị rà soát, chỉnh sửa lại và bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương cho phù hợp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, chỉnh lý về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày tại dự thảo Nghị định; các khoản 5 và khoản 8, khoản 6 và khoản 9 tại Điều 12 đã rà soát chỉnh sửa, hiệu chỉnh lại tại Điều 11 dự thảo Nghị định này.

2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến dự thảo Nghị định theo quy định tại Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hoàn chỉnh nội dung và thành phần hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm: (i) Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định; (ii) dự thảo Nghị định; (iii) báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (iv) bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; (v) báo cáo đánh giá tác động của chính sách; bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định; báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; (vi) Tài liệu khác (nếu có).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy trình, quy định bao gồm: Thực hiện lấy ý kiến dự thảo Nghị định theo quy định tại Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hoàn chỉnh nội dung và thành phần hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm: (1) Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định; (2) Dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (6) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định. (7) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân

và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; (8) Bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương, và các tổ chức, cá nhân liên quan.

II. Ý KIẾN CỦA BỘ TÀI CHÍNH (CÔNG VĂN SỐ 8239/BTC-NSNN NGÀY 19/8/2022):

2.1. Về hồ sơ dự thảo Nghị định:

Bộ Tài chính đề nghị Bộ NN&PTNT hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định theo đúng quy định tại Điều 93 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), gồm: Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định; Dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động của từng chính sách; Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP;...

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

2.2. Về tham gia ý kiến nội dung dự thảo Nghị định:

a) Ngày 16/8/2021, Bộ Tài chính đã có Công văn số 9277/BTC-NSNN gửi Bộ NN&PTNT tham gia ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. Qua rà soát dự thảo Nghị định lấy ý kiến (lần 2) kèm theo Công văn số 2847/BNN-TCTS ngày 09/5/2022, còn 06 ý kiến tham gia của Bộ Tài chính chưa được Bộ NN&PTNT tiếp thu hoặc giải trình, gồm: (1) Sửa đổi cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương (NSTW) cho ngân sách địa phương (NSDP) đầu tư xây dựng các hạng mục thiết yếu đối với cảng cá loại II và khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh theo hướng cần có sự phân biệt giữa các địa phương chưa tự cân đối ngân sách và các địa phương tự cân đối được ngân sách; (2) Rà soát chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư để tránh trùng lặp với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; (3) Giữ nguyên mức ngân sách nhà nước (NSNN) hỗ trợ 50% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu; không quy định bảo hiểm mọi rủi ro với thân tàu; rà soát các nội dung bảo hiểm rủi ro thiên tai liên quan đến nuôi trồng thủy sản khi sửa đổi chính sách về bảo hiểm nông nghiệp; (4) Bổ sung quy định về cơ chế hỗ trợ từ NSTW cho NSDP thực hiện một số chính sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp; (5) Sửa đổi quy định về trình tự hỗ trợ chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư và hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ; (6) Bổ sung quy định về nguồn vốn thực hiện chính sách.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu tối đa 6 nội dung nêu trên:

(1) Đã tiếp thu và sửa đổi cụ thể tại Điều 13. Nguồn vốn và cơ chế thực hiện chính sách;

(2) Đã rà soát và giải trình tại Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản).

(3) Giữ nguyên mức ngân sách nhà nước (NSNN) hỗ trợ 50% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu; không quy định bảo hiểm mọi rủi ro với thân tàu; rà soát các

nội dung bảo hiểm rủi ro thiên tai liên quan đến nuôi trồng thủy sản khi sửa đổi chính sách về bảo hiểm nông nghiệp. Nội dung này đã được đưa vào Tờ trình xin ý kiến Chính phủ.

(4) Bổ sung quy định về cơ chế hỗ trợ từ NSTW cho NSDP thực hiện một số chính sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp. Đã được rà soát và chỉnh lý tại Điều 13 dự thảo Nghị định này.

(5) Sửa đổi quy định về trình tự hỗ trợ chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư và hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ. Đã tiếp thu, hoàn thiện tại Điều 7, Điều 9 dự thảo Nghị định này.

(6) Bổ sung quy định về nguồn vốn thực hiện chính sách. Đã tiếp thu, bổ sung tại Điều 13 dự thảo Nghị định này.

Đồng thời, Bộ Tài chính đã có Công văn số 6419/BTC-NSNN ngày 05/7/2022 gửi Văn phòng Chính phủ, Bộ NN&PTNT tham gia ý kiến báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị Bộ NN&PTNT nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Tài chính tại Công văn số 9277/BTC-NSNN ngày 16/8/2021 và Công văn số 6419/BTC-NSNN ngày 05/7/2022.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã tiếp thu tại Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

2.2. Đối với dự thảo Nghị định lấy ý kiến (lần 2), Bộ Tài chính tham gia bổ sung thêm một số nội dung sau:

(1) Đối với chính sách đầu tư các hạng mục thiết yếu cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão,... (Điều 3 dự thảo Nghị định):

Về nhiệm vụ chi đầu tư của NSDP: Để đảm bảo theo quy định về phân cấp NSNN, đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: “*Các địa phương chủ động bố trí vốn NSDP (bao gồm cả nguồn NSTW hỗ trợ và nguồn tài chính hợp pháp khác) để đầu tư các dự án theo đúng phân cấp và đúng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định trong từng thời kỳ*”.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã tiếp thu, hiệu chỉnh phù hợp tại Điều 13 dự thảo Nghị định này.

(2) Đối với cơ chế chuyển nhượng tàu cá (Điều 5 dự thảo Nghị định):

a) Về việc sử dụng kết quả thẩm định giá để thực hiện chuyển nhượng tàu cá (khoản 1, 2): Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật giá năm 2012:

“*Điều 32. Kết quả thẩm định giá*

1. Kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản.

2. Việc sử dụng kết quả thẩm định giá phải đúng mục đích ghi trong hợp

đồng thẩm định giá hoặc văn bản yêu cầu thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng trong thời hạn có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá”.

Đề phù hợp quy định tại Luật giá năm 2012, đề nghị Bộ NN&PTNT sửa đổi cụm từ “*tổ chức thẩm định giá tài sản*” thành “*doanh nghiệp thẩm định giá*” và căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật giá năm 2012 nêu trên để quy định việc sử dụng kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Về quy định miễn thuế, phí liên quan đến việc chuyển nhượng tàu cá (khoản 5):

Các quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, phí và lệ phí không có quy định miễn thuế, phí liên quan đến việc chuyển nhượng tàu cá. Vì vậy, đề nghị bỏ quy định miễn thuế, phí liên quan đến việc chuyển nhượng tàu cá tại dự thảo Nghị định.

Ngoài ra, đề nghị bổ sung thêm 01 khoản vào cuối Điều 5 dự thảo Nghị định: “*Việc xác định doanh thu, thu nhập, chi phí và các nội dung khác cho mục đích tính thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế*”.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 19. Cơ chế chuyển nhượng tàu cá thuộc Chương IV Điều khoản chuyển tiếp tại dự thảo Nghị định này.

(3) Đối với chính sách bảo hiểm (Điều 7 dự thảo Nghị định):

a) Về quy định tại khoản 5 Điều 7 dự thảo Nghị định:

- Về quy định chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu bắt buộc phải mua bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên mỗi tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) hằng năm với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng dư nợ tại các ngân hàng thương mại; trường hợp chủ tàu chậm mua bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ hằng năm thì không được hưởng các khoản hỗ trợ của Nhà nước:

Theo quy định tại Điều 8 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) và Điều 8 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022, bảo hiểm thân tàu là bảo hiểm tài sản, không phải bảo hiểm bắt buộc¹¹, việc quy định chủ tàu bắt buộc phải mua bảo hiểm thân tàu là không đúng quy định của Luật.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 42, 43 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) và Điều 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022, số tiền bảo hiểm là số tiền mà bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm cho tài sản đó, doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không được giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị (hợp đồng bảo hiểm trong đó số tiền bảo hiểm

¹¹ Khoản 2 Điều 8: 2. Bảo hiểm bắt buộc bao gồm: a) Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người vận chuyển hàng không đối với hành khách; b) Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với hoạt động tư vấn pháp luật; c) Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; d) Bảo hiểm cháy, nổ.

cao hơn giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng). Quy định tại dự thảo Nghị định về giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng dư nợ tại các ngân hàng thương mại là không phù hợp trong trường hợp dư nợ tại các ngân hàng thương mại cao hơn giá trị tài sản.

- Về quy định các công ty bảo hiểm được chỉ định bán bảo hiểm cho ngư dân:

Theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính quy định điều kiện đối với doanh nghiệp bảo hiểm tham gia triển khai chính sách bảo hiểm theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, tất cả các doanh nghiệp bảo hiểm đáp ứng đầy đủ yêu cầu về năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, mạng lưới và kinh nghiệm triển khai bảo hiểm khai thác hải sản đều có thể nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận triển khai bảo hiểm. Như vậy, việc chỉ định các công ty bảo hiểm bán bảo hiểm cho ngư dân là không phù hợp với quy định nêu trên và không phù hợp Luật doanh nghiệp năm 2020 và Luật cạnh tranh năm 2018.

Từ tình hình trên, đề nghị Bộ NN&PTNT bỏ khoản 5 Điều 7 dự thảo Nghị định.

b) Nhằm đảm bảo chính sách được triển khai ổn định, bền vững, bảo vệ quyền lợi của ngư dân, đề nghị bổ sung thêm 01 khoản vào Điều 7 dự thảo Nghị định quy định yêu cầu đối với doanh nghiệp triển khai bảo hiểm như sau:

“Doanh nghiệp bảo hiểm được chủ động xây dựng sản phẩm bảo hiểm phù hợp với quy định pháp luật về bảo hiểm và quy định tại Nghị định này. Doanh nghiệp bảo hiểm triển khai chính sách hỗ trợ bảo hiểm phải bảo đảm đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Giấy phép thành lập và hoạt động có nghiệp vụ bảo hiểm được phép triển khai phù hợp với chính sách hỗ trợ bảo hiểm quy định tại Nghị định này;

b) Đáp ứng các yêu cầu về vốn, khả năng thanh toán theo quy định pháp luật;

c) Có quy trình về khai thác, giám định, bồi thường bảo hiểm, quy trình kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo quy định pháp luật có chương trình tái bảo hiểm bảo đảm an toàn, hiệu quả và phù hợp với quy định pháp luật;

d) Có trụ sở chính hoặc chi nhánh đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi triển khai chính sách hỗ trợ bảo hiểm theo Nghị định này”.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại Điều 9. Hỗ trợ chi phí Bảo hiểm tại dự thảo Nghị định này.

(4) Đối với trách nhiệm của Bộ Tài chính trong tổ chức thực hiện (khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định):

a) Về nhiệm vụ *“Bố trí ngân sách thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này”*: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, đề nghị sửa đổi như sau *“Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này”*.

b) Về nhiệm vụ *“Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế hỗ trợ sau đầu tư và cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu*

theo Nghị định 67”:

- Về kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế hỗ trợ sau đầu tư: Do chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư do Bộ NN&PTNT tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung từ nguồn chi đầu tư phát triển NSTW cho các địa phương. Vì vậy, đề nghị giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ NN&PTNT, các Bộ liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế hỗ trợ một lần sau đầu tư; không giao Bộ Tài chính chủ trì thực hiện nhiệm vụ này.

- Về kiểm tra, giám sát việc thực hiện cấp bù lãi suất: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đề nghị sửa đổi nội dung này như sau: *“Kiểm tra, giám sát việc cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ”*. Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 11 về nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước như sau: *“Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ”*.

c) Về nhiệm vụ *“Công bố danh sách các tổ chức có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá làm cơ sở để ngân hàng thương mại và chủ tàu lựa chọn tổ chức xác định giá tàu khi thực hiện cơ chế chuyển nhượng tàu”*: Để phù hợp quy định của Luật giá năm 2012, đề nghị sửa đổi như sau *“Công bố danh sách các doanh nghiệp đủ điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá làm cơ sở để ngân hàng thương mại và chủ tàu lựa chọn tổ chức thẩm định giá tàu khi thực hiện cơ chế chuyển nhượng tàu”*.

d) Về nhiệm vụ *“Chỉ đạo công ty bảo hiểm được chỉ định bán bảo hiểm cho ngư dân, kịp thời bồi hoàn bảo hiểm khi rủi ro xảy ra. Có chế tài xử lý trong trường hợp các đơn vị kinh doanh bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm cho ngư dân theo quy định”*: Như đã nêu tại điểm a mục (3), Bộ Tài chính không thực hiện chỉ định doanh nghiệp bán bảo hiểm cho ngư dân, việc chỉ đạo các doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục bán bảo hiểm cho ngư dân là không phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp năm 2000 và Luật cạnh tranh năm 2018. Vì vậy, đề nghị không giao Bộ Tài chính nhiệm vụ nêu trên.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh tại khoản 3 Bộ Tài chính Điều 14. Trách nhiệm của các Bộ, ngành tại dự thảo Nghị định này.

III. Ý KIẾN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (CÔNG VĂN SỐ 4892/BKHĐT-KTNN NGÀY 19/7/2022):

a) Theo văn bản số 2847/BNV-TCTS ngày 09/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hồ sơ gửi kèm theo mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được bao gồm: Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ; dự thảo Quyết định gửi Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, bổ sung đầy đủ các hồ sơ trình theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thành phần hồ sơ xin ý kiến kèm theo đã nêu tại dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, bao gồm: (1) Đánh giá kết quả thực hiện các Nghị định đã ban hành, các nội dung vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung; (2) Bản tổng

hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; (3) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (4) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (5) Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; (6) Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính; (7) Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan;...

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy trình, quy định bao gồm: Thực hiện lấy ý kiến dự thảo Nghị định theo quy định tại Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hoàn chỉnh nội dung và thành phần hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm: (1) Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định; (2) Dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (6) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định. (7) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; (8) Bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương, và các tổ chức, cá nhân liên quan.

b) Dự thảo Nghị định lần 1 đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý tại văn bản số 5284/BKHDT-KTNN ngày 11/8/2021. Tuy nhiên một số nội dung tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản nêu trên chưa được tiếp thu hay giải trình tại hồ sơ lấy ý kiến Dự thảo Nghị định lần này. Đề nghị Quý Bộ nghiên cứu ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản nêu trên để hoàn thiện Dự thảo Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và xây dựng lại dự thảo theo hướng Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014.

c) Tại khoản 2 mục II về nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định, cần được rà soát, bổ sung làm rõ các nội dung chi tiết của Dự thảo Nghị định, những nội dung điều chỉnh, bổ sung so với Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 và cơ sở đề xuất nội dung mới; Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ hiện còn chung chung, chưa thể hiện rõ sự phù hợp, khả thi của các nội dung đề xuất.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, phân tích, làm rõ sự cần thiết và hoàn thiện tại Tờ trình.

d) Tại khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị định quy định ngân sách trung ương đầu tư 100%, hỗ trợ 90% kinh phí xây dựng các hạng mục thiết yếu. Tuy nhiên, không xác định rõ chủ thể được hỗ trợ ngân sách trung ương, do đó cần làm rõ chủ thể được hỗ trợ từ ngân sách trung ương, cũng như trình tự, thủ tục nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, làm rõ tại Điều 13 dự thảo Nghị định này.

đ) Đối với các dự án đầu tư thủy sản mang tính chất sản xuất kinh doanh như nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống thủy sản,... cần quy định mức hỗ trợ mang tính chất khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, ngân sách nhà nước nên ở dạng “vốn môi”, vốn đầu tư cơ bản phải của tư nhân nhằm gắn trách nhiệm, quyền lợi, đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án. Đề nghị Quý Bộ rà soát, phân loại các dự án đầu tư tại Điều 3 của Dự thảo Nghị định theo loại hình: (i) dự án đầu tư công; (ii) dự án đầu tư của tư nhân, để thiết kế chính sách phù hợp, đảm bảo tính khả thi, thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước.

Ngoài ra, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hiện nay đang sửa đổi, bổ sung, trong đó có quy định về hỗ trợ dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản của doanh nghiệp. Vì vậy, đề nghị Quý Bộ rà soát các chính sách, nội dung hỗ trợ tại dự thảo Nghị định để tránh trùng lặp, chồng chéo nhằm đảm bảo tính tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, tiếp thu và hoàn thiện tại Điều 6, Điều 7 dự thảo Nghị định này, đồng thời đã giải trình, làm rõ tại Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản).

e) Tại khoản 2 Điều 3 Dự thảo Nghị định quy định: “Ngân sách địa phương đầu tư 100% kinh phí đối với các dự án tại địa phương, thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đáp ứng quy định của Nghị định này,...”. Hiện theo quy định này thì các dự án của địa phương sẽ không sử dụng ngân sách trung ương, như vậy sẽ mâu thuẫn với quy định tại khoản 1 Điều 3 của Dự thảo Nghị định; đề nghị Quý Bộ rà soát, chỉnh sửa phù hợp. Trường hợp ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương một phần kinh phí để thực hiện các dự án như hiện nay, đề nghị có quy định ngân sách địa phương cần được giải ngân xong trước khi giải ngân vốn trung ương, để tránh tình trạng địa phương cam kết nhưng không bố trí vốn thực hiện.

Tại điểm a khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị định quy định: “Ưu tiên xây dựng, nâng cấp công trình tại các đảo và cảng cá động lực thuộc các Trung tâm nghề cá lớn” và tại khoản 3 Điều 3 quy định: “Khuyến khích các địa phương chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương đầu tư các công trình, hạng mục công trình thuộc đối tượng được ngân sách Trung ương đầu tư, hỗ trợ đầu tư chưa thể hiện rõ tính quy phạm pháp luật; đề nghị Quý Bộ rà soát, chỉnh sửa để thể hiện đảm bảo tính quy phạm pháp luật.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát và chỉnh sửa tại Điều 13 dự thảo Nghị định này.

g) Tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 3, Điều 5. Tuy nhiên tại Điều 6, Điều 7 của Dự thảo Nghị định có giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhiệm vụ chủ trì, tổng hợp vốn hỗ trợ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiệu chỉnh lại tại khoản 2

Điều 14 về trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại dự thảo Nghị định.

h) Một số nội dung khác

- Về năng lực tài chính của chủ tàu mới tại khoản 2 Điều 5. Đề nghị Quý Bộ xây dựng quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định về vốn tự có của chủ tàu mới tối thiểu bằng 30% giá trị được thẩm định của tàu.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hiệu chỉnh lại tại Điều 18 dự thảo Nghị định này.

- Về nội dung miễn thuế, phí tại khoản 5 Điều 5: Đề nghị làm rõ về loại thuế, loại phí đề nghị được miễn liên quan đến việc chuyển nhượng, sang tên từ chủ tàu cũ sang chủ tàu mới quy định tại Dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về thuế, phí.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉnh lý lại tại Điều 20 Cơ chế chuyển nhượng tàu cá thuộc Chương IV Điều khoản chuyển tiếp tại dự thảo Nghị định này.

- Về chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư tại Điều 6 Dự thảo Nghị định quy định về đối tượng điều kiện, định mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị phê duyệt hỗ trợ một lần sau đầu tư nhưng chưa quy định về nội dung hỗ trợ một lần sau đầu tư. Đề nghị rà soát, hoàn thiện phù hợp.

Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hiện thiện cụ thể tại Điều 7 Hỗ trợ một lần sau đầu tư tại dự thảo Nghị định này.

- Về chính sách bảo hiểm quy định tại Điều 7 đề nghị bổ sung cụm từ “tổ hợp tác” vào sau cụm từ “hợp tác xã” và quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị kinh phí mua bảo hiểm cho các tàu cá.

Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hoàn thiện cụ thể tại Điều 8. Hỗ trợ chi phí Bảo hiểm tại dự thảo Nghị định này.

- Về chính sách hỗ trợ đào tạo tại Điều 8 chưa có trình tự, thủ tục và hồ sơ thực hiện, đề nghị rà soát và bổ sung.

Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hoàn thiện cụ thể tại Điều 9. Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn tại dự thảo Nghị định này.

- Các chính sách hỗ trợ tại Nghị định quy định tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị tới cơ quan nhà nước để được thẩm định, phê duyệt (như Điều 6, Điều 9), đề nghị bổ sung nội dung thẩm định của cơ quan nhà nước.

Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hoàn thiện về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại 05 thủ tục hành chính.

Về kinh phí thực hiện: Đề nghị đánh giá sự phù hợp với khả năng cân đối, phân bổ NSTW để đảm bảo tính khả thi của Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hiệu chỉnh làm rõ tại Tờ trình.

Tại khoản 4 Điều 15 Chương IV Điều khoản chuyển tiếp, dự thảo Nghị định có đề cập cụm từ “tổ chức cộng đồng”, đề nghị Ban soạn thảo cần làm

rõ khái niệm "tổ chức cộng đồng" để khi Nghị định được thông qua và có hiệu lực, các tổ chức, cá nhân có thể triển khai thực hiện.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hiệu chỉnh cụ thể tại khoản 6 Điều 20 của dự thảo Nghị định này.

IV. Ý KIẾN CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (CÔNG VĂN SỐ 4250/NHNN-TD NGÀY 23/6/2022):

A. ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

I. Ý kiến chung

1. Dự thảo Nghị định được ban hành mới để thay thế cho Nghị định 67 (đã được sửa đổi bởi các Nghị định số: 89/2015/NĐ-CP, 172/2016/NĐ-CP, 17/2018/NĐ-CP). Như vậy, sau khi dự thảo Nghị định được ban hành và có hiệu lực thi hành thì Nghị định 67 sẽ hết hiệu lực. Do đó, đối với các cơ chế, chính sách dự kiến tiếp tục thực hiện theo Nghị định 67, đề nghị Bộ NN&PTNT quy định cụ thể, đầy đủ, rõ ràng tại dự thảo Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 dự thảo Nghị định này.

2. Theo Nghị định 67, các văn bản sửa đổi bổ sung và dự thảo Nghị định, hiện phát sinh các nhóm chủ tàu cá đang được hưởng các chính sách khác nhau như:

- Nhóm chủ tàu cá khởi nguồn từ tàu cá vay vốn hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 67, gồm: Chủ tàu vay vốn hỗ trợ lãi suất đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định 67; Chủ tàu đã nhận chuyển đổi tàu theo cơ chế chuyển đổi tàu tại Nghị định 17; Chủ tàu nhận chuyển nhượng tàu theo cơ chế tại dự thảo Nghị định.

- Nhóm chủ tàu được hưởng chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư theo Nghị định 17.

- Nhóm chủ tàu cá khác, không thuộc 02 đối tượng nêu trên.

Do vậy, dự thảo Nghị định cần có quy định cụ thể tại mỗi cơ chế chính sách (hỗ trợ lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ, chuyển nhượng tàu cá, bảo hiểm, hỗ trợ tàu cá, hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng tàu,...) về các nhóm chủ tàu cá được áp dụng chính sách, để đảm bảo quy định được rõ ràng và quá trình thực hiện không phát sinh, khó khăn vướng mắc (*ví dụ: Nhóm chủ tàu đã hưởng chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư theo Nghị định 67 có được hưởng chính sách bảo hiểm, chính sách duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép,... tại dự thảo Nghị định hay không?*).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hiệu chỉnh và hoàn thiện tại Điều 18, Điều 19 dự thảo Nghị định này.

3. Về áp dụng cơ chế chính sách do thay đổi quy định pháp luật: Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 51 Hiến pháp 2013 và Điều 13 Luật Đầu tư, các cơ chế chính sách có thay đổi tại dự thảo Nghị định so với Nghị định 67 làm ảnh hưởng đến ưu đãi đầu tư mà đối tượng thụ hưởng đang được hưởng thì cần có

quy định về thời điểm, biện pháp xử lý đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hiệu chỉnh tại Điều 18, 19 và 20 Chương IV Điều khoản chuyển tiếp tại dự thảo Nghị định.

4. Về quy định Nhà nước có sự thay đổi có tác động đến thực hiện và hiệu quả chương trình đóng tàu theo Nghị định 67:

- Khoản 1 Điều 48 Luật Thủy sản quy định: Chính phủ quy định vùng biển khai thác thủy sản bao gồm vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi; hoạt động của tàu cá trên các vùng biển.

- Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31/3/2010 của Chính phủ (đã được thay thế bởi Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019) có hiệu lực từ ngày 25/4/2019 quy định: “*Tàu lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên khai thác thủy sản tại vùng khơi*”.

- Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ *quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản*:

+ Khoản 1 Điều 42 quy định: Vùng biển Việt Nam được phân thành ba vùng khai thác thủy sản như sau: a) Vùng ven bờ được giới hạn bởi mép nước biển dọc theo bờ biển và tuyến bờ. Đối với các đảo, vùng ven bờ là vùng biển được giới hạn bởi ngấn nước thủy triều trung bình nhiều năm quanh bờ biển của đảo đến 06 hải lý; b) Vùng lộng được giới hạn bởi tuyến bờ và tuyến lộng; c) Vùng khơi được giới hạn bởi tuyến lộng và ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế của vùng biển Việt Nam.

+ Khoản 1 Điều 43 quy định về quản lý hoạt động của tàu cá đánh bắt nguồn lợi thủy sản trên các vùng biển Việt Nam: a) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên hoạt động tại vùng khơi, không được hoạt động tại vùng ven bờ và vùng lộng; b) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động tại vùng lộng, không được hoạt động tại vùng khơi và vùng ven bờ; c) Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động tại vùng ven bờ không được hoạt động tại vùng lộng và vùng khơi; tàu đăng ký tại tỉnh nào thì chỉ được hoạt động tại vùng ven bờ của tỉnh đó; trừ trường hợp có thỏa thuận về hoạt động tàu cá ở vùng ven bờ của Ủy ban nhân dân hai tỉnh.”.

Như vậy, quy định tại Nghị định 26/2019/NĐ-CP đã thay đổi tiêu chí **xác định tàu cá hoạt động vùng khơi** (từ tiêu chí công suất máy tàu sang tiêu chí chiều dài tàu). Theo phản ánh trên báo chí, nhiều tàu cá được đóng, nâng cấp theo Nghị định 67 có công suất 400CV nhưng chiều dài tàu không đủ 15m theo quy định tại Nghị định 26/2019/NĐ-CP nên các tàu cá này không được hoạt động đánh bắt ở vùng khơi¹².

Luật Thủy sản quy định hoạt động của tàu cá trên các vùng biển theo quy định của Chính phủ. Nghị định 26/2019/NĐ-CP hiện hành có thay đổi lớn so với

¹² Báo Nhân dân ngày 30/7/2019 “Gỡ khó cho tàu cá tiếp tục ra khơi”, Báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 5/8/2019 “Ngư dân gặp khó khăn với Luật Thủy sản mới”

quy định trước đây dẫn đến các tàu cá có công suất 400CV nhưng chiều dài tàu không đủ 15m sẽ không được đánh bắt ở vùng khơi. Do đó, làm thay đổi ngư trường khai thác và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của tàu cá được đóng, cải hoán theo quy định tại Nghị định 67.

Từ vấn đề nêu trên, đề nghị Bộ NN&PTNT:

- Báo cáo đánh giá tác động và bổ sung vào dự thảo Tờ trình báo cáo Chính phủ và đề xuất các cơ chế chính sách để xử lý cho phù hợp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hoàn thiện tại Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động các chính sách đề xuất.

- Việc các chủ tàu cá không trả được nợ vay đúng hạn do thay đổi ngư trường khai thác (đánh bắt ở vùng khơi chuyển sang đánh bắt ở vùng lộng như đã nêu trên) cần được xem là nguyên nhân khách quan để được hỗ trợ xử lý theo quy định tại dự thảo Nghị định.

- Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ cho các chủ tàu đã thực hiện đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại Nghị định 67 có chiều dài tàu dưới 15m để các chủ tàu cá ổn định sản xuất kinh doanh (*biện pháp có thể là hỗ trợ chi phí nâng cấp tàu hoặc hỗ trợ chi phí chuyển đổi sản xuất*).

- Bổ sung quy định cho các tàu cá đã thực hiện đóng mới, nâng cấp theo quy định tại Nghị định 67 có chiều dài tàu dưới 15m được tiếp tục hưởng cơ chế hỗ trợ bảo hiểm, duy tu, sửa chữa tàu đã được quy định tại Nghị định 67.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hiệu chỉnh tại Điều 8, Điều 10, Điều 18, Điều 19 của dự thảo Nghị định này.

5. Về việc quy định các thủ tục hành chính:

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định hành vi bị nghiêm cấm trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật là việc quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (Khoản 4 Điều 14). Do vậy, các quy định về thủ tục hành chính dự kiến phát sinh (*quy trình, thủ tục xác định nguyên nhân khách quan bất khả kháng; quy trình, thủ tục mua bảo hiểm, hỗ trợ tiền mua bảo hiểm của Nhà nước,...*) cần được xem xét quy định cụ thể tại Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, hoàn thiện tại Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính gồm 5 thủ tục:

(1) Hỗ trợ một lần sau đầu tư; (2) Hỗ trợ chi phí bảo hiểm; (3) Hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép; (4) Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác nhằm giảm cường lực khai thác ven bờ; (5) Xác nhận nguyên nhân khách quan, bất khả kháng của chủ tàu cá.

II. Một số ý kiến cụ thể:

1. Về nguyên tắc thực hiện chính sách tại dự thảo Nghị định:

NHNN đề nghị nghiên cứu bổ sung 01 Điều về nguyên tắc thực hiện (sau Điều 2. Đối tượng áp dụng) nhằm đảm bảo nguyên tắc thống nhất trong việc thực hiện đối với các cơ chế, chính sách dự kiến tại dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, các tổ chức, cá nhân chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất (Nội dung này dự thảo Nghị định đã quy định tại khoản 5 Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp, NHNN đề nghị quy định tại Điều này).

2. Các nội dung khác không được quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

...”.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hiệu chỉnh bổ sung tại Điều 5. Nguyên tắc thực hiện tại dự thảo Nghị định này.

2. Đối với những nội dung liên quan đến ngành ngân hàng:

Tại dự thảo Nghị định có quy định 2 chính sách liên quan trực tiếp là chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất và chính sách chuyển nhượng tàu. Đây là 02 chính sách được đề xuất nhằm khắc phục tồn tại, vướng mắc của các chính sách đã được quy định, triển khai tại Nghị định 67 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (*chính sách vay vốn hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác hải sản xa bờ và cơ chế chuyển đổi chủ tàu*). Do đó, về quan điểm, NHNN cho rằng các chính sách này sẽ áp dụng đối với nhóm đối tượng là chủ tàu cá vay vốn hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 67, gồm: Chủ tàu vay vốn hỗ trợ lãi suất đóng mới, khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định 67; Chủ tàu đã nhận chuyển đổi tàu theo cơ chế chuyển đổi tàu tại Nghị định 17; Chủ tàu nhận chuyển nhượng tàu theo cơ chế tại dự thảo Nghị định. Cụ thể:

2.1. Đối với chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ (Điều 4 dự thảo Nghị định):

- Đối tượng được thụ hưởng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ tại dự thảo Nghị định bao gồm: **(i)** Các khoản vay đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ thuộc đối tượng đã được hưởng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định số 67; **(ii)** Các khoản vay nhận bàn giao theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 17/2018/NĐ-CP); **(iii)** Các khoản vay nhận chuyển nhượng tàu quy định tại dự thảo Nghị định này.

Việc thực hiện chính sách này nhằm khắc phục tồn tại hiện nay là việc khai thác của ngư dân trên biển gặp nhiều rủi ro trong khi khoản vay kéo dài (từ 11 đến 16 năm), trường hợp được NHTM xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng sẽ giúp khoản vay của ngư dân không bị

chuyển sang nhóm nợ xấu và tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất.

- Điều 4 dự thảo Nghị định, đề nghị sửa lại như sau:

“Điều 4. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ

1. Các khoản vay đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, bao gồm cả các khoản vay nhận bàn giao theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung) và các khoản vay nhận chuyển nhượng tàu quy định tại Điều 5 Nghị định này chưa trả nợ đúng hạn cho ngân hàng thương mại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại khoản 3 Điều này, được các ngân hàng thương mại xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ như đã phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ và tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất trong thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

2. Các ngân hàng thương mại xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của ngân hàng và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng. Tổng thời gian các lần gia hạn nợ, giữ nguyên nhóm nợ, được hưởng hỗ trợ lãi suất tối đa không vượt quá 1/3 thời gian cho vay được hỗ trợ lãi suất khi ký thỏa thuận cho vay giữa chủ tàu và ngân hàng thương mại.

Sau thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, nếu chủ tàu không trả được nợ vay đúng hạn và không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Nghị định này thì ngân hàng thương mại thực hiện phân loại nợ đối với chủ tàu theo quy định của pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng bao gồm:

a) Tàu bị thiên tai làm hư hỏng phải sửa chữa; tàu bị nước ngoài bắt, giam giữ (không do lỗi của chủ tàu/thuyền trưởng);

b) Tàu bị tàu khác đâm, va làm hư hỏng phải sửa chữa (không do lỗi của chủ tàu/thuyền trưởng);

c) Tàu đóng mới kém chất lượng, bị hư hỏng phải sửa chữa tàu dẫn đến không thể hoạt động khai thác thủy sản;

d) Thay đổi ngư trường khai thác do chính sách của Nhà nước; Ngư trường khai thác bị suy giảm do điều chỉnh giảm hạn ngạch khai thác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Chủ tàu bị bệnh tật, bị tai nạn không còn khả năng đi biển (trong trường hợp chủ tàu trực tiếp đi biển); chủ tàu chết, mất tích;

e) Do ảnh hưởng bởi bệnh truyền nhiễm nhóm A theo pháp Luật phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm hiện hành, bao gồm các khoản vay đã được các ngân hàng thương mại cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

f) Trường hợp phát sinh các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác, UBND tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

*4. Chính sách này không áp dụng đối với khoản vay của các tàu cá được hưởng chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung)”.
- Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định (thành “Điều” riêng trong dự thảo Nghị định) về thủ tục xác nhận nguyên nhân khách quan bất khả kháng (Đề nghị Bộ NN&PTNT phối hợp với UBND tỉnh, thành phố quy định nội dung này tại dự thảo Nghị định) làm cơ sở để ngân hàng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hiệu chỉnh bổ sung tại Điều 18, Điều 19 tại dự thảo Nghị định này.

2.2. Đối với cơ chế chuyển nhượng tàu cá (Điều 5 dự thảo Nghị định)

Tại Nghị định 67 và các văn bản sửa đổi, bổ sung đã có quy định về chuyển đổi chủ tàu và được thực hiện trong các trường hợp chủ tàu không còn khả năng tiếp tục thực hiện dự án đóng mới, nâng cấp tàu hoặc đã hoàn thành đóng mới nhưng không đủ năng lực để hoạt động. Tuy nhiên, cơ chế này hiện nay không còn phù hợp do giá trị thực tế con tàu thấp hơn nhiều so với khoản nợ vay của chủ tàu cũ, vì vậy, NHNN đề nghị sửa đổi thành cơ chế chuyển nhượng tàu và thực hiện đối với các chủ tàu không đủ năng lực hoạt động khai thác thủy sản, không có biện pháp/khả năng khắc phục, không trả được nợ vay đúng hạn cho ngân hàng thương mại sang chủ tàu mới có khả năng khai thác, khả năng tài chính tốt hơn giúp sử dụng, khai thác tàu hiệu quả hơn.

Đối với các tàu khác, việc chuyển nhượng tàu theo quy định pháp luật. Đối với trường hợp chủ tàu có nguồn thu nhưng không trả nợ ngân hàng thương mại (NHTM) theo cam kết hoặc kinh doanh thua lỗ kéo dài, không trả được nợ vay và không thực hiện chuyển nhượng tàu thì NHTM xử lý theo quy định của Luật TCTD và quy định pháp luật liên quan (xử lý TSBĐ, khởi kiện khách hàng,...).

Theo quy định khoản 2 Điều 62 Luật Thủy sản: Tổ chức, cá nhân đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên hoạt động trên biển phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. Do vậy, phương án chuyển nhượng tàu cần phải được phê duyệt của UBND cấp tỉnh để thực hiện.

- Căn cứ thực tế trên, Điều 5 dự thảo Nghị định đề nghị sửa lại như sau:

“Điều 5. Chuyển nhượng tàu cá

1. Việc chuyển nhượng tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ đóng mới, nâng cấp theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP được thực hiện trong trường hợp chủ tàu không đủ năng lực hoạt động khai thác thủy sản, không có biện pháp/khả năng khắc phục, không trả được nợ vay đúng hạn cho ngân hàng thương mại cho vay (sau đây gọi là chủ tàu cũ).

2. Giá chuyển nhượng tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ đóng mới, nâng cấp theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP được xác định theo một trong các phương thức sau:

a) Ngân hàng thương mại phối hợp với chủ tàu cũ, chủ tàu nhận chuyển nhượng tàu (sau đây gọi là chủ tàu mới) đàm phán, thỏa thuận để thống nhất giá chuyển nhượng tàu. Các bên có thể thống nhất lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá để định giá tàu làm cơ sở cho việc đàm phán, thỏa thuận thống nhất giá chuyển nhượng tàu. Chi phí thuê tổ chức thẩm định giá tài sản (nếu có) được tính vào chi phí khi thực hiện chuyển nhượng tàu.

b) Ngân hàng thương mại và chủ tàu cũ thống nhất chuyển nhượng tàu thông qua bán đấu giá tài sản theo quy định pháp luật về đấu giá tài sản.

3. Chủ tàu mới có năng lực khai thác thủy sản và được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chấp thuận phương án chuyển nhượng tại khoản 1 Điều này. Trường hợp chủ tàu mới có nhu cầu vay vốn, đáp ứng được điều kiện về cho vay theo quy định hiện hành và đảm bảo thanh toán được tối thiểu 50%¹³ số tiền mua tàu từ chủ tàu cũ thì ngân hàng thương mại xem xét cho chủ tàu mới vay theo quy định pháp luật. Thời gian vay vốn do ngân hàng và chủ tàu mới thỏa thuận nhưng thời gian vay vốn được hưởng hỗ trợ lãi suất tối đa không vượt quá thời gian hỗ trợ lãi suất còn lại theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) của chủ tàu cũ tại thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng tàu giữa chủ tàu cũ và chủ tàu mới. Khoản vay của chủ tàu mới không phụ thuộc vào hiện trạng khoản nợ vay của chủ tàu cũ tại ngân hàng thương mại.

4. Chủ tàu mới được tiếp tục hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước về lãi suất, phí bảo hiểm và các chính sách hỗ trợ khác đang áp dụng cho chủ tàu cũ.

5. Miễn thuế, phí liên quan đến việc chuyển nhượng, sang tên từ chủ tàu cũ sang chủ tàu mới (01 lần/tàu).

6. Xử lý số tiền thu được từ việc bán tàu:

a) Số tiền thu được từ việc bán tàu sau khi trừ đi chi phí bảo quản, thu giữ, chi phí lai dắt tàu về địa phương (trong trường hợp tàu thu giữ tại địa phương khác) và chi phí khác liên quan được dùng để thanh toán khoản nợ vay đóng mới, nâng cấp tàu của chủ tàu cũ (bao gồm cả nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn, lãi phạt nếu có) tại ngân hàng thương mại.

b) Trường hợp, sau khi thanh toán nợ cho ngân hàng thương mại, còn dư tiền, số tiền còn thừa được trả lại cho chủ tàu cũ.

c) Trường hợp, số tiền thu được không đủ thanh toán nợ cho ngân hàng thương mại, chủ tàu cũ tiếp tục nhận nợ và có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng thương mại cho vay theo hợp đồng đã ký và không được hưởng hỗ trợ lãi suất kể từ thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng tàu với chủ tàu mới. Chủ tàu cũ và ngân hàng thương mại thỏa thuận việc bổ sung hoặc không bổ sung tài sản bảo

¹³ Việc nâng mức thanh toán tối thiểu của chủ tàu mới lên 50% so với mức 30% tại Công văn 8591/NHNN-TD ngày 6/12/2021 để đảm bảo năng lực tài chính của chủ tàu mới tốt hơn

đảm đối với nghĩa vụ nhận nợ của chủ tàu cũ theo quy định pháp luật.

7. Chính sách chuyển nhượng tàu quy định tại Điều này chỉ được áp dụng một lần đối với một tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và không áp dụng đối với tàu đã được hưởng chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư, tàu đã thực hiện cơ chế chuyển đổi chủ tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hiệu chỉnh bổ sung tại Điều 19. Cơ chế chuyển nhượng tàu cá Chương IV Điều khoản chuyển tiếp tại dự thảo Nghị định này.

2.3. Đề nghị bổ sung thêm 01 Điều quy định về hỗ trợ lãi suất như sau:

Nghị định này thay thế Nghị định 67, do vậy để đảm bảo quá trình triển khai thực hiện sau khi ban hành Nghị định này được thuận tiện, rõ ràng, giúp các tổ chức, cá nhân có cơ sở tham chiếu các quy định liên quan, NHNN đề xuất chuyển một phần nội dung tại Điều khoản chuyển tiếp của dự thảo Nghị định và bổ sung thêm 01 Điều về hỗ trợ lãi suất như sau:

“ Điều ..X... Hỗ trợ lãi suất:

Các chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Nghị định số [67/2014/NĐ-CP](#) ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ (bao gồm cả các tàu đã được chuyển đổi chủ tàu theo quy định tại Nghị định số [67/2014/NĐ-CP](#) đã được sửa đổi, bổ sung và chủ tàu nhận chuyển nhượng tàu vay vốn theo quy định tại Nghị định này) tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất theo mức hỗ trợ lãi suất đang áp dụng trong suốt thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất còn lại (bao gồm cả thời gian được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Điều 4 Nghị định này).”

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hiệu chỉnh bổ sung tại Điều 20. Các quy định chuyển tiếp khác Chương IV Điều khoản chuyển tiếp tại dự thảo Nghị định này.

3. Đối với chính sách bảo hiểm (Điều 7 dự thảo Nghị định):

Theo nội dung dự thảo Nghị định chỉ quy định về chính sách bảo hiểm cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên. Do quy định của Nhà nước có thay đổi (đề cập tại điểm I.4 nêu trên) nên sẽ phát sinh nhiều tàu đóng mới, nâng cấp theo Nghị định 67 có công suất từ 400CV nhưng chiều dài không đủ 15m. Do đó, để thực hiện theo đúng định tại khoản 2 Điều 13 Luật Đầu tư, chính sách bảo hiểm mới tại dự thảo Nghị định này cần đảm bảo được mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ¹⁴ áp dụng cho các tàu cá vay vốn đóng mới, nâng cấp theo Nghị định 67. Theo đó, NHNN đề xuất: **(i)** đối với các tàu cá có chiều dài trên 15m khai thác

¹⁴ Điểm b, khoản 4 Điều 13 Nghị định 67 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “Thời gian hỗ trợ bảo hiểm đối với chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu theo Nghị định [67/2014/NĐ-CP](#) của Chính phủ được thực hiện trong suốt thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất (tối đa 11 năm đối với trường hợp đóng mới tàu vỏ gỗ hoặc nâng cấp tàu; tối đa 16 năm đối với đóng mới tàu vỏ thép hoặc vỏ vật liệu mới)”.

tại vùng khơi đề nghị có mức hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thân tàu bao gồm trang thiết bị đánh bắt hải sản, ngư lưới cụ trên tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) như Nghị định 67 ban đầu là 90% kinh phí mua bảo hiểm; (ii) đối với các tàu cá có chiều dài dưới 15m khai thác tại vùng lồng có mức hỗ trợ bảo hiểm cao hơn mức bảo hiểm hiện đang quy định tại Nghị định 17/2018/NĐ-CP là 70% kinh phí mua bảo hiểm.

- Điều 7 dự thảo Nghị định đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Khoản 3 Điều 7, đề nghị viết lại nội dung “... mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản biển (lồng bè, phương tiện, thiết bị phục vụ nuôi biển)...” thành: “mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với tài sản của các cơ sở nuôi trồng thủy sản biển (lồng bè, phương tiện, thiết bị phục vụ nuôi biển)” do “Cơ sở nuôi trồng thủy sản” là chỉ nơi (địa điểm) nuôi trồng thủy sản.

+ Đề nghị thay thế khoản 5 Điều 7 dự thảo Nghị định bằng nội dung quy định về bảo hiểm đối với các tàu đóng mới, nâng cấp theo Nghị định 67 cụ thể như sau:

“5. Chủ tàu vay vốn hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, bao gồm cả các chủ tàu nhận bàn giao tàu theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung) và các chủ tàu nhận chuyển nhượng tàu quy định tại Điều 5 Nghị định này, phải mua đầy đủ bảo hiểm thuyền viên và bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên mỗi tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) hàng năm với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng dư nợ vay tại các ngân hàng thương mại và đảm bảo duy trì hợp đồng bảo hiểm với Công ty bảo hiểm trong suốt thời gian còn dư nợ vay tại ngân hàng thương mại”.

Nhà nước tiếp tục hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm trong suốt thời gian vay vốn của chủ tàu (bao gồm cả thời gian được cơ cấu lại thời hạn trả nợ do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định tại Điều 4 Nghị định này):

a) Hỗ trợ hàng năm 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn thuyền viên cho mỗi thuyền viên làm việc trên tàu.

b) Hỗ trợ hàng năm 90% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu bao gồm trang thiết bị đánh bắt hải sản, ngư lưới cụ trên tàu (bảo hiểm mọi rủi ro đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên).

c) Hỗ trợ hàng năm 70% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu bao gồm trang thiết bị đánh bắt hải sản, ngư lưới cụ trên tàu (bảo hiểm mọi rủi ro đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15m”.

- Đề nghị bổ sung 01 khoản quy định cụ thể về quy trình, thủ tục mua bảo hiểm, hỗ trợ phí bảo hiểm của Nhà nước, thời gian xử lý hồ sơ bảo hiểm, thời gian hoàn thành thanh toán bảo hiểm khi phát sinh rủi ro ... để xử lý các vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh hiện nay. Nội dung này đề nghị Bộ NN&PTNT phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan quy định nội dung này tại dự thảo Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện tại Điều 8 dự thảo Nghị định này. Mức bảo hiểm thân tàu còn có sự khác biệt với ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã báo cáo xin ý kiến Chính phủ tại Tờ trình.

4. Đối với các chính sách khác

4.1. Chính sách hỗ trợ đào tạo (Điều 8 dự thảo Nghị định):

- Đề nghị bổ sung quy định làm rõ việc chính sách hỗ trợ đào tạo được áp dụng đối với các đối tượng chủ tàu/tàu cá: *vay vốn hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; nhận bàn giao tàu theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung); và nhận chuyển nhượng tàu quy định tại Điều 5 Nghị định này.*

- Đề nghị quy định cụ thể đối với các trường hợp sau:

+ Hỗ trợ đào tạo cho thuyền viên xác định theo con tàu hay theo thuyền viên. Trường hợp nếu hỗ trợ đào tạo cho thuyền viên xác định theo con tàu thì trường hợp chủ tàu mới (sau khi nhận chuyển nhượng tàu) thuê thuyền viên mới có được hưởng hỗ trợ theo chính sách này không; hoặc trường hợp vẫn chủ tàu cũ nhưng nếu chủ tàu thuê thuyền viên mới thì thuê thuyền viên mới có được hỗ trợ không.

+ Hỗ trợ 01 lần cho thuyền viên hay hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng định kỳ, đào tạo nâng cao,... cho thuyền viên.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện tại Điều 9. Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn.

4.2. Đối với chính sách duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép (Điều 9 dự thảo Nghị định):

- Khoản 1: đề nghị sửa đổi để quy định làm rõ việc chính sách duy tu, sửa chữa tàu được áp dụng đối với các đối tượng chủ tàu/tàu cá: *vay vốn hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; nhận bàn giao tàu theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung); và nhận chuyển nhượng tàu quy định tại Điều 5 Nghị định này.*

- Các chủ tàu đóng mới, nâng cấp theo Nghị định 67 (bao gồm cả tàu cá vay vốn hỗ trợ lãi suất, chủ tàu nhận bàn giao tàu theo cơ chế chuyển đổi chủ tàu tại Nghị định số 67 (được sửa đổi, bổ sung); và nhận chuyển nhượng tàu quy định tại Điều 5 Nghị định này cần tiếp tục được hưởng chính sách duy tu, sửa chữa như đang được hưởng theo Nghị định 67 nhằm đảm bảo tính liên tục, thông suốt của chính sách. Do đó, đề nghị rà soát lại quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này để đảm bảo các đối tượng trên vẫn được tiếp tục hỗ trợ chính sách duy tu, sửa chữa.

- Đề nghị quy định riêng 01 khoản về thời gian hỗ trợ duy tu, sửa chữa đối với tàu cá theo khoản 1 Điều này được thực hiện trong suốt thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất (bao gồm cả thời gian được cơ cấu lại thời hạn trả nợ do nguyên nhân

bất khả kháng theo quy định tại Điều 4 Nghị định này).

- Đề nghị cần quy định cụ thể đối với việc hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép 01 lần/năm hay hỗ trợ 01 lần/con tàu. Trường hợp hỗ trợ 01 lần/năm thì cần bổ sung thêm cả thời gian được gia hạn nợ vay do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng.

- Đề nghị không đề cập đến chính sách bảo hiểm tại Điều này.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện tại Điều 10. Hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép của dự thảo Nghị định này.

4.3. Điều 11 dự thảo Nghị định về trách nhiệm của các Bộ, ngành:

- Căn cứ các nội dung đề xuất nêu trên, NHNN đề nghị bổ sung trách nhiệm của các Bộ, ngành như sau:

+ Bộ NN&PTNT trong việc chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với trường hợp phát sinh các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác trên cơ sở đề nghị của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

+ Bộ KH&ĐT phối hợp Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền bố trí kịp thời, đầy đủ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại cho vay vốn hỗ trợ lãi suất đối với các chủ tàu đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại Nghị định này;

Thời gian qua, NHNN đã có nhiều văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để đăng ký kế hoạch cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại (NHTM) thực hiện các chương trình tín dụng trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và năm 2021, 2022. Tuy nhiên, đến nay, các NHTM vẫn chưa được ngân sách nhà nước bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do triển khai các chương trình tín dụng (trong đó có chính sách tín dụng theo Nghị định 67);

+ Nghị định 67 và các văn bản sửa đổi, bổ sung đã giao Bộ Tài chính hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu phục vụ khai thác hải sản xa bờ. Do đó, tại dự thảo Nghị định này đề nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về việc cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại theo quy định tại Nghị định này.

- Liên quan đến nhiệm vụ của NHNN quy định tại dự thảo Nghị định, do dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể các nội dung liên quan đến ngành ngân hàng, do đó, tại điểm a khoản 4 Điều 11 về trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đề nghị viết lại như sau: “*Chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến ngành ngân hàng quy định tại Nghị định này*”.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện tại Điều 14. Trách nhiệm của các Bộ, ngành tại dự thảo Nghị định này.

4.4. Điều 12 về trách nhiệm của UBND tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương:

Nội dung của các khoản 5 và khoản 8, khoản 6 và khoản 9 tại Điều này đang có sự trùng lặp. Do vậy, đề nghị rà soát, chỉnh sửa lại và bổ sung trách nhiệm của UBND tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng:

- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ NN&PTNT xây dựng quy trình xác định thủ tục nguyên nhân khách quan, bất khả kháng dẫn đến không trả được nợ đúng hạn cho ngân hàng thương mại.

- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác phát sinh thực tế trong quá trình triển khai, làm cơ sở để ngân hàng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và hỗ trợ lãi suất cho khách hàng (điểm f khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định) .

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan phối hợp với các ngân hàng thương mại rà soát, phân loại hiệu quả hoạt động của các chủ tàu để có biện pháp tháo gỡ khó khăn và đôn đốc thu hồi nợ vay cụ thể, phù hợp với từng nhóm chủ tàu; thực hiện chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản khi thực hiện cơ chế chuyển nhượng tàu hoặc sau khi xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện tại Điều 15. Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh tại dự thảo Nghị định này.

B. ĐỐI VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ

- Đề nghị bổ sung thuyết minh giải trình về cơ sở đề xuất các chính sách tại dự thảo Nghị định và đánh giá tác động của từng chính sách đề xuất.

- Về nguồn lực tài chính thực hiện: đề nghị làm rõ căn cứ, cơ sở đề xuất mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với từng chính sách, trong đó có kinh phí tiếp tục hỗ trợ lãi suất vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu 2.800 tỷ đồng.

- Đề nghị Bộ NN&PTNT báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bố trí nguồn bù đắp cho các NHTM đối với các trường hợp ngân hàng đã thực hiện các biện pháp thu hồi nợ, xử lý nợ nhưng không thu hồi đủ nợ gốc.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định, Tờ trình và các tài liệu, hồ sơ kèm theo theo quy định.